

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch và hướng dẫn thực hiện
Phương án điều tra thủy sản**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1700/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Phương án điều tra thủy sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch và hướng dẫn thực hiện Phương án điều tra thủy sản tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2. Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục Thống kê;
- Lưu: VT, TTDL (5).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA THỦY SẢN**

(Kèm theo Quyết định số **MM**/QĐ-TCTK ngày **18** tháng **M** năm 2024
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN¹

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện ²	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng Quyết định và Phương án điều tra	Tháng 4-7/2024	Cục TTDL	Vụ NLTS
2	Thiết kế và hoàn thiện phiếu điều tra	Tháng 6-7/2024	Cục TTDL	Vụ NLTS
3	Xây dựng Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ	Tháng 6-9/2024	Cục TTDL	Vụ NLTS
4	Xây dựng Sổ tay hướng dẫn sử dụng các phần mềm và tài liệu khác	Tháng 9-12/2024	Cục TTDL	Vụ NLTS
5	Thiết kế chọn mẫu	Trước thời điểm điều tra 30 ngày	Cục TTDL	Vụ NLTS
6	Chọn địa bàn điều tra	Trước thời điểm điều tra 20 ngày	CTK	CCTK
7	Rà soát địa bàn điều tra	Trước thời điểm điều tra 20 ngày	CTK	CCTK
8	Cập nhật bảng kê hộ	Trước thời điểm điều tra 15 ngày	CTK	CCTK
9	Chọn mẫu hộ	Trước thời điểm điều tra 5 ngày	CTK	CCTK
10	Xây dựng các chương trình phần mềm điều tra: CAPI; Trang Web điều hành (cập nhật bảng kê, chọn mẫu hộ; quản lý mạng lưới điều tra, giám sát, kiểm tra và nghiệm thu số liệu, tổng hợp nhanh kết quả điều tra, ...)	Tháng 9-11/2024	Cục TTDL	

¹ Các chữ viết tắt trong bảng: Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê; Vụ NLTS: Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản; VPTC: Văn phòng Tổng cục; CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; CCTK: Chi Cục Thống kê.

² Các mục có số thứ tự: 1, 2, 3, 4, 10, 11, 12 thực hiện năm xây dựng và ban hành phương án; các mục còn lại theo năm điều tra.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện ²	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
11	Tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cấp Trung ương (nếu có)	Tháng 12/2024	Cục TTDL	VPTC; Vụ NLTS
12	Tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ tại địa phương (nếu có)	Tháng 12/2024	CTK	CCTK
13	Thu thập thông tin phiếu điều tra		CTK	CCTK
13.1	Đối với kỳ điều tra 01/6 và kỳ điều tra 01/12	25 ngày bắt đầu từ thời điểm điều tra		
13.2	Đối với kỳ điều tra tháng	10 ngày, thực hiện rải đều các ngày trong tháng		
14	Kiểm tra và duyệt dữ liệu điều tra		CTK	CCTK
14.1	Đối với kỳ điều tra 01/6 và kỳ điều tra 01/12	20 ngày sau khi kết thúc thu thập thông tin		
14.2	Đối với kỳ điều tra tháng	10 ngày sau khi kết thúc thu thập thông tin		
15	Xử lý số liệu điều tra		Cục TTDL	
15.1	Đối với kỳ điều tra 01/6 và kỳ điều tra 01/12	20 ngày sau khi kết thúc thu thập thông tin		
15.2	Đối với kỳ điều tra tháng	10 ngày sau khi kết thúc thu thập thông tin		
16	Biên soạn báo cáo kết quả chủ yếu của cuộc điều tra	Sau 20 ngày nhận dữ liệu của CTK	Vụ NLTS	

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Cục TTDL): Chủ trì xây dựng phiếu điều tra, thiết kế mẫu, chọn mẫu điều tra, biên soạn các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, hướng dẫn cập nhật bảng kê, xây dựng các chương trình phần mềm ứng dụng, quản lý mạng lưới điều tra, kiểm tra và duyệt số liệu trực tuyến, xây dựng các phần mềm tổng hợp kết quả điều tra, phần mềm giám sát trực tuyến, hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình điều tra,

làm sạch và xử lý số liệu; tổng hợp kết quả đầu ra theo mẫu biểu do Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản thiết kế để chuyển các đơn vị sử dụng.

2. Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản (Vụ NLTS): Chủ trì xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra, kiểm tra hệ biểu tổng hợp kết quả đầu ra, phân tích và công bố kết quả điều tra. Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng phiếu điều tra; xây dựng các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ; xây dựng yêu cầu và kiểm thử các phần mềm; tổ chức tập huấn; kiểm tra, giám sát; nghiệm thu, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu;...

3. Vụ Kế hoạch tài chính: Chủ trì và phối hợp với Cục TTDL và Vụ NLTS và các đơn vị liên quan dự trù kinh phí; phân bổ kinh phí; hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao theo đúng chế độ hiện hành và duyệt báo cáo quyết toán của các đơn vị.

4. Văn phòng Tổng cục Thống kê: Chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền. Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan tổ chức hội nghị tập huấn cấp trung ương, thực hiện công tác giám sát, biên soạn, phát hành báo cáo kết quả điều tra.

5. Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê: Chủ trì tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra cuộc điều tra theo kế hoạch được phê duyệt.

6. Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Cục Thống kê):

Tổ chức, chỉ đạo toàn diện cuộc điều tra tại các địa bàn điều tra đã được chọn từ bước rà soát địa bàn, cập nhật bảng kê, rà soát hộ được chọn điều tra; tuyển chọn, tập huấn cho điều tra viên và giám sát viên; điều tra thực địa; giám sát, kiểm tra việc tập huấn và thu thập thông tin tại địa bàn; nghiệm thu và đánh mã phiếu điều tra...

Cục trưởng Cục Thống kê chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về chất lượng thông tin điều tra và quản lý, sử dụng kinh phí điều tra thuộc địa phương mình.

Để tạo sự ủng hộ của các cấp, các ngành và người dân đối với cuộc điều tra, Cục Thống kê xây dựng kế hoạch tổ chức chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên tranh thủ sự chỉ đạo và tạo điều kiện của Ủy ban nhân dân các cấp, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của cuộc điều tra, quyền và nghĩa vụ của đối tượng điều tra tại các địa bàn điều tra.

III. THIẾT KẾ MẪU

Thiết kế mẫu điều tra thủy sản đại diện theo từng hình thức nuôi, phương thức nuôi đối với nuôi trồng thủy sản; và theo từng nhóm nghề-công suất đối với khai thác thủy sản biển. Chi tiết theo phụ lục số 1.

IV. PHIẾU ĐIỀU TRA

Phiếu số 01A-6T.N/ĐTTS-XA,THON <i>(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)</i>	TỔNG CỤC THỐNG KÊ PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN TÌNH HÌNH CƠ BẢN VỀ NUÔI TRỒNG VÀ KHAI THÁC THỦY SẢN NỘI ĐỊA CỦA HỘ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, THÔN Kỳ điều tra:/...../20...
--	---

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:

Xã/phường/thị trấn:

Thôn/ấp/bản/tổ dân phố:.....

PHẦN I: NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

1. Nuôi trồng thủy sản phân theo loại hình nuôi ao, hầm, đăng quảng/vèo, nuôi trong ruộng lúa và nuôi khác³

(Không bao gồm diện tích sản xuất giống, thuần dưỡng giống, nuôi cá sấu, nuôi cá cảnh)

Đơn vị tính: Ha

Tên sản phẩm nuôi chính	Mã sản phẩm (CQT K ghi)	Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trong 12 tháng qua ⁴	Chia ra:		Tổng diện tích thu hoạch trong kỳ điều tra ⁵	Diện tích thu hoạch chia theo hình thức nuôi					
			Thâm canh, bán thâm canh	Quảng canh, quảng canh cải tiến		Nuôi ao			Nuôi đăng quảng/vèo	Nuôi ruộng lúa	Nuôi khác (hồ, bãi triều, kênh, mương,...)
						Tổng số	Chia ra:				
							Thâm canh, bán thâm canh	Quảng canh, quảng canh cải tiến			
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8+9+10	5=6+7	6	7	8	9	10

³ Nuôi thủy sản trên sông, hồ, đập, vịnh, bãi triều: Chỉ tính phần diện tích khoanh/quây lại để nuôi (không tính toàn bộ diện tích);

⁴ Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trong 12 tháng qua: Là tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản (thả nuôi + ao lắng lọc + kênh dẫn nước vào ra) của tất cả các vụ trong 12 tháng qua.

⁵ Tổng diện tích thu hoạch trong kỳ điều tra: Là tổng diện tích mặt nước thả nuôi cho thu hoạch (không bao gồm ao lắng, ao lọc, kênh dẫn nước vào ra, mặt trắng) của tất cả các vụ trong kỳ điều tra (6 tháng hoặc 12 tháng).

Thông tin từ cột 1 đến cột 3, chỉ thu thập vào kỳ điều tra 01/12 hàng năm; thông tin từ cột 4 đến cột 10, thu thập theo kỳ điều tra.

2. Nuôi thủy sản bể, bồn (Không bao gồm thể tích sản xuất giống, thuần dưỡng giống, nuôi cá sấu, nuôi cá cảnh)

Tên sản phẩm nuôi chính	Mã sản phẩm (CQTK ghi)	Loại mặt nước Mặn = 1 Lợ = 2 Ngọt = 3	Số hộ nuôi trong kỳ điều tra (Hộ)	Thể tích nuôi trong kỳ điều tra (m ³)	Thể tích thu hoạch trong kỳ điều tra (m ³)	Sản lượng thu hoạch		
						Tổng sản lượng (kg)	Trong đó: Bán ra	
							Sản lượng (kg)	Doanh thu (Nghìn đồng)
A	B	C	1	2	3	4	5	6
Tổng số		X						
-								

3. Nuôi thủy sản lồng, bè (Không bao gồm thể tích sản xuất giống, thuần dưỡng giống, nuôi cá sấu, nuôi cá cảnh)

Tên sản phẩm nuôi chính	Mã sản phẩm (CQTK ghi)	Số hộ nuôi trong kỳ điều tra (Hộ)	Số lồng, bè nuôi trong kỳ điều tra (Cái)	Thu hoạch trong kỳ điều tra	
				Số lồng, bè (Cái)	Thể tích (m ³)
A	B	1	2	3	4
Tổng số					
3.1. Nuôi nước mặn (nuôi biển)					
3.1.1 Nuôi cá					
Trong đó: -					
-					
3.1.2 Nuôi tôm					
Trong đó: -					
-					
3.1.3 Nuôi thủy sản khác					
Trong đó: -					
-					

Tên sản phẩm nuôi chính	Mã sản phẩm (CQTK ghi)	Số hộ nuôi trong kỳ điều tra (Hộ)	Số lồng, bè nuôi trong kỳ điều tra (Cái)	Thu hoạch trong kỳ điều tra	
				Số lồng, bè (Cái)	Thể tích (m ³)
A	B	1	2	3	4
3.2. Nuôi nước lợ					
3.2.1 Nuôi cá					
Trong đó: -					
-					
3.2.2 Nuôi tôm					
Trong đó: -					
-					
3.2.3 Nuôi thủy sản khác					
Trong đó: -					
-					
3.3. Nuôi nước ngọt					
3.3.1 Nuôi cá					
Trong đó: - Cá tra					
-					
3.3.2 Nuôi tôm					
Trong đó: -					
-					
3.3.3 Nuôi thủy sản khác					
Trong đó: -					
-					

4. Nuôi cá sấu

Số hộ nuôi trong kỳ điều tra (Hộ)	Diện tích nuôi trong kỳ điều tra (m ²)	Số con đang nuôi (Con)	Thu hoạch sản phẩm trong kỳ		
			Tổng sản lượng (Kg)	Trong đó: Bán ra	
				Sản lượng (Kg)	Doanh thu (Nghìn đồng)

PHẦN II: KHAI THÁC THỦY SẢN NỘI ĐỊA TRONG KỲ ĐIỀU TRA (chỉ thu thập thông tin tại kỳ 01/12)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
A	B	C	l
1	Số hộ chuyên khai thác thủy sản nội địa	Hộ	
2	Số lao động chuyên khai thác thủy sản nội địa	Người	
3	Số thuyền, xuồng có động cơ khai thác thủy sản nội địa	Chiếc	
4	Số thuyền, xuồng không có động cơ khai thác thủy sản nội địa	Chiếc	

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng năm 20....
CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

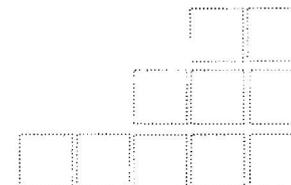
Phiếu số 01B-6T/ĐTTS-XA*(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)***TỔNG CỤC THỐNG KÊ****PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ TÀU THUYỀN KHAI THÁC THỦY SẢN BIỂN VÀ SỐ HỘ KHAI THÁC THỦY SẢN BIỂN KHÔNG DÙNG PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ**

Kỳ điều tra:/...../20...

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:

Xã/phường/thị trấn:

**1. Danh sách tàu/thuyền khai thác thủy sản biển có động cơ**

ST T	Họ và tên chủ tàu, thuyền	Địa chỉ	Số điện thoại	Số đăng ký (Chưa đăng ký ghi chữ K)	Tổng công suất máy chính (CV)	Nghề khai thác chính	Mã nghề (Cơ quan TK ghi)	Loại hình ⁶	Vùng khai thác ⁷	Chiều dài thân tàu (L _{max})
A	B	C	D	E	I	F	G	H	I	K

⁶ Ghi mã loại hình: Doanh nghiệp nhà nước =1; Doanh nghiệp ngoài nhà nước = 2; Doanh nghiệp FDI =3; Hợp tác xã = 4; Hộ cá thể =5; Tổ chức khác = 6;⁷ Vùng ven bờ =1; vùng lộng =2; vùng khơi =3.

Tên sản phẩm	Mã sản phẩm (CQTK ghi)	Loại mặt nước Mặn = 1 Lợ = 2 Ngọt = 3	Diện tích nuôi trồng trong 12 tháng qua ⁸ (Ha)	Diện tích thu hoạch trong kỳ điều tra ⁹ (Ha)	Hình thức nuôi Ao =1 Ruộng lúa =2 Đãng quảng/vèo =3 Khác =4	Phương thức nuôi Siêu thâm canh = 1 Thâm canh = 2 Bán thâm canh = 3 Quảng canh, quảng canh cải tiến = 4	Thu hoạch trong kỳ điều tra		
							Tổng sản lượng (tấn)	Trong đó: Bán ra	
								Sản lượng (tấn)	Doanh thu (Triệu đồng)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
Tổng số	x	x			x	x			
.....									

1.2. Sản lượng thủy sản thu hoạch phân theo tháng trong kỳ điều tra

Đơn vị tính: Tấn

	(T12 năm trước)	(T1)	(T2)	(T3)	(T4)	(T5)	(T6)	(T7)	(T8)	(T9)	(T10)	(T11)
Tổng sản lượng	<input type="text"/>											
<i>Trong đó: - Cá tra</i>	<input type="text"/>											

⁸ Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản trong 12 tháng qua: Là tổng diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản (thả nuôi + ao lắng lọc + kênh dẫn nước vào ra) của tất cả các vụ trong 12 tháng qua.

² Tổng diện tích thu hoạch trong kỳ điều tra: Là tổng diện tích mặt nước thả nuôi cho thu hoạch (không bao gồm ao lắng, ao lọc, kênh dẫn nước vào ra, mặt trắng) của tất cả các vụ trong kỳ điều tra (6 tháng hoặc 12 tháng).

Thông tin cột 1, chi thu thập vào kỳ điều tra 1.12 hàng năm. Từ cột 2 đến cột 7 thu thập theo kỳ điều tra.

3. Nuôi thủy sản lồng, bè

3.1. Thông tin về sản xuất

Tên sản phẩm	Mã sản phẩm (CQTK ghi)	Loại mặt nước Mặn = 1 Lợ = 2 Ngọt = 3	Số lồng, bè nuôi thủy sản trong kỳ điều tra (Cái)	Thể tích lồng, bè thu hoạch trong kỳ điều tra (m ³)	Thu hoạch trong kỳ điều tra		
					Tổng sản lượng (tấn)	Trong đó: Bán ra	
						Sản lượng (tấn)	Doanh thu (Triệu đồng)
A	B	C	1	2	3	4	5
Tổng số	x	x					
-							
-							

3.2. Sản lượng thủy sản thu hoạch phân theo tháng trong kỳ điều tra?

Đơn vị tính: Tấn

	(T12 năm trước)	(T1)	(T2)	(T3)	(T4)	(T5)	(T6)	(T7)	(T8)	(T9)	(T10)	(T11)
Tổng sản lượng thủy sản	<input type="text"/>											
<i>Trong đó: - Cá tra</i>	<input type="text"/>											

4. Nuôi cá sấu

Diện tích nuôi trong kỳ điều tra (m ²)	Số con đang nuôi (con)	Thu hoạch sản phẩm trong kỳ điều tra		
		Tổng sản lượng (Tấn)	Trong đó: Bán ra	
			Sản lượng (Tấn)	Doanh thu (Triệu đồng)

6. Hoạt động thuần dưỡng giống thủy sản trong kỳ điều tra

Tên loại giống thủy sản được thuần dưỡng	Mã sản phẩm (CQTK ghi)	Loại mặt nước Mặn = 1 Lợ = 2 Ngọt = 3	Diện tích thuần dưỡng giống ** (m ²)	Thể tích thuần dưỡng giống (m ³)	Số lượng con giống được thuần dưỡng (triệu con)	Doanh thu từ hoạt động thuần dưỡng (triệu đồng)
A	B	1	2	3	4	5
Tổng số	x	x				

** Không quy đổi diện tích mặt nước từ thể tích nuôi bể, bồn ở cột 3

7. Sản xuất cá cảnh

(Chỉ bao gồm sản phẩm cá cảnh do đơn vị trực tiếp nuôi để bán, không bao gồm sản phẩm cá cảnh kinh doanh thương mại)

Tên loại cá cảnh	Mã sản phẩm (CQTK ghi)	Diện tích nuôi *** (m ²)	Thể tích (m ³)	Số lượng bán ra (nghìn con)	Doanh thu (Triệu đồng)
A	1	2	3	4	5

*** Không quy đổi diện tích mặt nước từ thể tích nuôi bể, bồn ở cột 3

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày..... tháng năm 20....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phiếu số 03-6T.N/ĐTTS-HM <i>(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)</i>	TỔNG CỤC THỐNG KÊ PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NUÔI CÁ TRA NƯỚC NGỌT CỦA HỘ MẪU Kỳ điều tra:/...../20...
--	---

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:

Xã/phường/thị trấn:

Thôn/ấp/bản:

Họ và tên chủ hộ:Điện thoại liên hệ:

Khi phỏng vấn ghi phiếu, Điều tra viên chú ý những thông tin sau:

- Chỉ thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi cá tra tương ứng với hình thức nuôi và phương thức nuôi mà hộ được chọn mẫu để điều tra;
- Kết quả hoạt động nuôi cá tra do hộ trực tiếp tổ chức sản xuất, không bao gồm thông tin về hoạt động nuôi cá tra, sản phẩm thủy sản còn lại mà hộ giao đơn vị khác nuôi gia công.

I. Thông tin chung

1. Hộ được chọn mẫu điều tra thuộc hình thức nào dưới đây?

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

 1 Nuôi ao 2 Nuôi đăng quảng, vèo 3 Nuôi khác (mương vườn, ruộng lúa,...)


Câu 3



Câu 3

2. Hộ nuôi cá tra theo phương thức nuôi nào sau đây?

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

 1 Nuôi thâm canh 2 Nuôi bán thâm canh 3 Nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến

 3. Tổng số lao động thường xuyên tham gia: (người).

II. Thông tin về kết quả hoạt động nuôi trồng cá tra [1] theo phương thức [2]

([1] LÀ HÌNH THỨC Ở CÂU 1 VÀ [2] LÀ PHƯƠNG THỨC Ở CÂU 2)

 4. Số ao/khu nuôi cá tra [1] theo phương thức [2] cho thu hoạch trong 6 tháng qua: ao

	Ao/khu số 1	Ao/khu số « n »
5. Diện tích mặt nước thả nuôi cá tra (m^2) (mặt nước tính từ phần mép bờ, không bao gồm diện tích ao lắng, ao lọc, kênh dẫn nước vào ra)	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
6. Số vụ thu hoạch cá tra	<input type="text"/>	<input type="text"/>
7. Diện tích thu hoạch cá tra (m^2) (tổng diện tích mặt nước thả nuôi các vụ, không bao gồm diện tích mặt trắng)	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
8. Thời gian xuống giống	Tháng/20.....	Tháng/20.....
9. Thời gian thu hoạch	Tháng/20.....	Tháng/20.....
10. Số lượng cá tra giống thả nuôi (nghìn con)	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
11. Sản lượng cá tra thu hoạch (kg)	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
12. Sản lượng cá tra bán ra (kg)	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
13. Doanh thu cá tra bán (triệu đồng)	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>

14. Diện tích mặt nước ao lắng, ao lọc phụ vụ nuôi cá tra [1] theo phương thức [2]:
(m^2)

15. Tổng diện tích thu hoạch cá tra của các ao/khu [1] theo phương thức [2] trong 6 tháng qua:
(CHƯƠNG TRÌNH TỰ TÍNH TỪ CÂU 7)

16. Tổng sản lượng thu hoạch cá tra của các ao/khu [1] theo phương thức [2] trong 6 tháng qua:
(m^2 (CHƯƠNG TRÌNH TỰ TÍNH TỪ CÂU 11))

17. Sản lượng thu hoạch cá tra [1] theo phương thức [2] tháng [...] năm [...]:
(kg)

(KỲ 01/6, CHƯƠNG TRÌNH LẦN LƯỢT HIỂN THỊ CÁC THÁNG TỪ T12 NĂM TRƯỚC ĐẾN T5 NĂM ĐIỀU TRA.

(KỲ 01/12, CHƯƠNG TRÌNH LẦN LƯỢT HIỂN THỊ CÁC THÁNG TỪ T6 ĐẾN T11 NĂM ĐIỀU TRA)

18. Hộ đã thu hoạch loại thủy sản nào khác ngoài cá tra trên các ao thu hoạch cá tra [1] theo phương thức [2] trong 6 tháng qua?

(THIẾT BỊ HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM THỦY SẢN NUÔI TRỒNG NỘI ĐỊA ĐỂ ĐTV CHỌN CÁC SẢN PHẨM VÀ HỎI LẦN LƯỢT CHO TỪNG SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỌN)

18.1 Tổng sản lượng [...] thu hoạch trong 6 tháng qua
(kg)

18.1.1 Trong đó: Sản lượng [...] bán ra trong 6 tháng qua
(kg)

18.1.2 Doanh thu bán [...] trong 6 tháng qua: (nghìn đồng)

III. Thông tin về xu hướng sản xuất của hộ nuôi cá tra

19. Số vụ thu hoạch cá tra [1] theo phương thức [2] trong năm: vụ ?
(CHỈ HỎI CHO KỲ 01/12)

20. Ông/Bà đánh giá như thế nào về tình hình nuôi cá tra của hộ trong 06 tháng qua so với cùng kỳ năm trước?

(LỰA CHỌN 1 Ô DUY NHẤT)

1 Tốt hơn 2 Tương đương 3 Khó khăn hơn

21. Ông/Bà đánh giá như thế nào về giá bán cá tra của hộ so với giá thành sản xuất của hộ trong 06 tháng qua?

(LỰA CHỌN 1 Ô DUY NHẤT)

1 Cao hơn 2 Tương đương 3 Thấp hơn

22. Giá bán cá tra trung bình ở mức nào thì hộ sẽ hòa vốn: (nghìn đồng/kg)

23. Trong 3 tháng tới, hộ [Ông/Bà] có tiếp tục nuôi cá tra không ? (LỰA CHỌN 1 Ô DUY NHẤT)

1 Có 2 Không

Câu 25

24. Dự định của hộ [Ông/Bà] về việc sản xuất cá tra trong 3 tháng tới ? (LỰA CHỌN 1 Ô DUY NHẤT)

- 1 Mở rộng sản xuất
2 Ổn định sản xuất
3 Thu hẹp sản xuất

25. Lý do hộ [Ông/Bà] không nuôi cá tra trong 3 tháng tới ? (LỰA CHỌN CÁC Ô THÍCH HỢP)

1 Tạm ngưng nuôi do lỗi 2 Nuôi loại thủy sản khác 3 Khác [...Ghi rõ.]

KẾT THÚC PHÒNG VẤN

Họ và tên người cung cấp thông tin: _____

Họ và tên điều tra viên: _____

Số điện thoại của điều tra viên: _____

Phiếu số 04-6T.N/ĐTTS-HM

(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ CỦA HỘ MẪU

Kỳ điều tra:/...../20...

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:

Xã/phường/thị trấn:

Thôn/ấp/bản:

Họ và tên chủ hộ:Điện thoại liên hệ:

Khi phỏng vấn ghi phiếu, Điều tra viên chú ý những thông tin sau:

- Chỉ thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi tôm sú hoặc tôm thẻ chân trắng tương ứng với hình thức nuôi và phương thức nuôi mà hộ được chọn mẫu để điều tra;
- Kết quả hoạt động nuôi tôm sú hoặc tôm thẻ chân trắng do hộ trực tiếp tổ chức sản xuất, không bao gồm thông tin về nuôi tôm sú hoặc tôm thẻ chân trắng mà hộ giao đơn vị khác nuôi gia công.

I. Thông tin chung

1. Hộ thuộc dàn mẫu điều tra sản phẩm nào sau đây ? (THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

1 Tôm thẻ chân trắng 2 Tôm sú

2. Hộ được chọn mẫu điều tra thuộc hình thức nào dưới đây? (THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

1 Nuôi ao 2 Nuôi đăng quảng, vèo 3 Nuôi ruộng lúa 4 Nuôi khác

↘ ↘ ↘

Câu 5 Câu 5 Câu 5

3. Hộ nuôi cá tra theo nhóm phương thức nuôi nào sau đây? (THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

1 Nuôi siêu thâm canh 2 Nuôi thâm canh, bán thâm canh 3 Nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến

↘ ↘ ↘

Câu 5 Câu 5

4. Hộ nuôi cá tra theo phương thức nuôi nào sau đây?

1 Nuôi thâm canh 2 Nuôi bán thâm canh

5. Tổng số lao động thường xuyên tham gia: (người).

II. Thông tin về kết quả hoạt động nuôi trồng [.....] [1] theo hình thức [2]

([.....] LÀ TÔM SÚ HOẶC TÔM THẺ CHÂN TRẮNG; [1] LÀ NHÓM PHƯƠNG THỨC Ở CÂU 3 VÀ [2] LÀ HÌNH THỨC Ở CÂU 2)

6. Số ao/khu nuôi [...] [1] theo hình thức [2] cho thu hoạch trong 6 tháng qua:

Ao/khu số 1

Ao/khu số « n »

7. Diện tích mặt nước thả nuôi [...] (m^2)

(tính từ phần mép bờ, không bao gồm diện tích ao lắng, ao lọc, kênh dẫn nước vào ra)

8. Số vụ thu hoạch [...]

9. Diện tích thu hoạch [...]

(tổng diện tích mặt nước thả nuôi các vụ, không bao gồm diện tích mác trắng)

10. Thời gian xuống giống [...] Tháng/20..... Tháng/20.....
 11. Thời gian thu hoạch [...] Tháng/20..... Tháng/20.....
 12. Số lượng [...] xuống giống (nghìn con)
 13. Sản lượng [...] thu hoạch (kg)
 14. Sản lượng [...] bán ra (kg)
 15. Doanh thu [...] bán ra (triệu đồng)
 16. Diện tích mặt nước ao lắng, ao lọc phụ vụ nuôi [...] [1] theo hình thức [2]: (m²)
 17. Tổng diện tích thu hoạch [...] của các ao/khu [1] theo hình thức [2] trong 6 tháng qua: (m²)
 (CHƯƠNG TRÌNH TỰ TÍNH TỪ CÂU 9)
 18. Tổng sản lượng thu hoạch [...] của các ao/khu [1] theo hình thức [2] trong 6 tháng qua: (m²)
 (CHƯƠNG TRÌNH TỰ TÍNH TỪ CÂU 13)
 19. Sản lượng thu hoạch [...] [1] theo hình thức [2] tháng [...] năm [...]: (kg)
 (KỶ 01/6, CHƯƠNG TRÌNH LẦN LƯỢT HIỂN THỊ CÁC THÁNG TỪ T12 NĂM TRƯỚC ĐẾN T5 NĂM ĐIỀU TRA. KỶ 01/12, CHƯƠNG TRÌNH LẦN LƯỢT HIỂN THỊ CÁC THÁNG TỪ T6 ĐẾN T11 NĂM ĐIỀU TRA)
 20. Hộ đã thu hoạch loại thủy sản nào khác ngoài [...] trên các ao thu hoạch [...] [1] theo hình thức [2] trong 6 tháng qua?
 (THIẾT BỊ HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM THỦY SẢN NUÔI TRỒNG NỘI ĐỊA ĐỂ ĐTV CHỌN CÁC SẢN PHẨM VÀ HỒI LẦN LƯỢT CHO TỪNG SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỌN)

- 20 Tổng sản lượng [...] thu hoạch trong 6 tháng qua (kg)
 20.1.1 Trong đó: Sản lượng [...] bán ra trong 6 tháng qua (kg)
 20.1.2 Doanh thu bán [...] trong 6 tháng qua: (nghìn đồng)

III. Thông tin về xu hướng sản xuất của hộ nuôi [...]

21. Số vụ thu hoạch [...] [1] trong [2] trong năm vụ ? (CHỈ HỎI CHO KỶ 01/12)
 22. Ông/Bà đánh giá như thế nào về tình hình nuôi [...] của hộ trong 06 tháng qua so với cùng kỳ năm trước? (LỰA CHỌN 1 Ô DUY NHẤT)
 1 Tốt hơn 2 Tương đương 3 Khó khăn hơn
 23. Ông/Bà đánh giá như thế nào về giá bán [...] của hộ so với giá thành sản xuất của hộ trong 06 tháng qua? (LỰA CHỌN 1 Ô DUY NHẤT)
 1 Cao hơn 2 Tương đương 3 Thấp hơn
 24. Giá bán [...] trung bình ở mức nào thì hộ sẽ hòa vốn: (nghìn đồng/kg)
 25. Trong 3 tháng tới, hộ [Ông/Bà] có tiếp tục nuôi [...] không ? (LỰA CHỌN 1 Ô DUY NHẤT)
 1 Có 2 Không
 → Câu 27
 26. Dự định của hộ [Ông/Bà] về việc sản xuất [...] trong 3 tháng tới ? (LỰA CHỌN 1 Ô DUY NHẤT)
 4 Mở rộng sản xuất
 5 Ổn định sản xuất
 6 Thu hẹp sản xuất

27. Lý do hộ [Ông/Bà] không nuôi [...] trong 3 tháng tới ? (LỰA CHỌN CÁC Ô THÍCH HỢP)

1 Tạm ngưng nuôi do lỗi 2 Nuôi loại thủy sản khác 3 Khác [...Ghi rõ.]

KẾT THÚC PHÒNG VẤN

Họ và tên người cung cấp thông tin: _____

Họ và tên điều tra viên: _____

Số điện thoại của điều tra viên: _____

Phiếu số 05-6T.N/ĐTTS-HM

(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRỌNG ĐIỂM CỦA HỘ MẪU

Kỳ điều tra:/...../20...

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:.....

Xã/phường/thị trấn:

Thôn/ấp/bản:

Họ và tên chủ hộ:Điện thoại liên hệ:

Khi phỏng vấn ghi phiếu, Điều tra viên chú ý những thông tin sau:

- Thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi thủy sản trọng điểm, sản phẩm thủy sản còn lại tương ứng với hình thức nuôi và phương thức nuôi mà hộ được chọn mẫu để điều tra;

- Kết quả hoạt động nuôi thủy sản trọng điểm, sản phẩm thủy sản còn lại do hộ trực tiếp tổ chức sản xuất, không bao gồm thông tin về hoạt động nuôi thủy sản mà hộ giao đơn vị khác nuôi gia công.

TÊN SẢN PHẨM TRỌNG ĐIỂM :..... Mã sản phẩm :.....

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

I. Thông tin chung

1. Hộ được chọn mẫu điều tra thuộc hình thức nào dưới đây?

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

1 Nuôi ao 2 Nuôi đăng quảng, vèo 3 Nuôi ruộng lúa 4 Nuôi khác (mương vườn,...)

↳ Câu 3

↳ Câu 3

↳ Câu 3

2. Hộ nuôi [...] theo phương thức nuôi nào sau đây?

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

1 Nuôi thâm canh, bán thâm canh 2 Nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến

3. Hộ nuôi [...] theo loại hình mặt nước nào dưới đây?

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

1 Nuôi nước mặn 2 Nuôi nước lợ 3 Nuôi nước ngọt

4. Tổng số lao động thường xuyên tham gia: (người).

II. Thông tin về kết quả hoạt động nuôi [...] trong kỳ điều tra

([1] là phương thức; [2] là hình thức; [...] thời gian 06 tháng hoặc 12 tháng theo quy định của phương án)

5. Diện tích mặt nước thả nuôi [...] [1] theo hình thức [2] trong [...] qua : (m²)

(Diện tích tính từ phần mép bờ, không bao gồm diện tích ao lắng, ao lọc)

6. Diện tích thu hoạch [...] [1] theo hình thức [2] trong [...] qua: (m²)

(Tổng diện tích mặt nước thả nuôi cộng dồn các vụ trong kỳ điều tra, không bao gồm diện tích mất trắng)

7. Thời gian nuôi [...] [1] theo hình thức [2]: Từ tháng/20..... đến tháng/20.....

8. Hộ đã thu hoạch loại thủy sản nào sau đây trên diện tích thu hoạch [...] [1] theo hình thức [2] trong [...] qua?

(THIỆT BỊ HIỆN THỊ SẢN PHẨM TRỌNG ĐIỂM; SAU ĐÓ HIỆN DANH MỤC SẢN PHẨM THỦY SẢN NUÔI TRỒNG (NẾU NUÔI NƯỚC MẶN: HIỆN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM NUÔI BIỂN; NẾU NUÔI NƯỚC LỢ, NGỌT:

Phiếu số 06-6T.N/ĐTTS-HM

(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
NUÔI THỦY SẢN CÒN LẠI CỦA HỘ MẪU**

Kỳ điều tra:/...../20...

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:

Xã/phường/thị trấn:

Thôn/ấp/bản:

Họ và tên chủ hộ:Điện thoại liên hệ:

Khi phỏng vấn ghi phiếu, Điều tra viên chú ý những thông tin sau:

- Chỉ thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi thủy sản tương ứng với hình thức nuôi và phương thức nuôi mà hộ được chọn mẫu để điều tra;
- Kết quả hoạt động nuôi thủy sản do hộ trực tiếp tổ chức sản xuất, không bao gồm thông tin về hoạt động nuôi thủy sản mà hộ giao đơn vị khác nuôi gia công.

I. Thông tin chung

1. Hộ được chọn mẫu điều tra thuộc hình thức nào dưới đây?

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

- 1 Nuôi ao 2 Nuôi đăng quảng, vèo 3 Nuôi ruộng lúa 4 Nuôi khác (mương vườn,...)
- ↘ Câu 3
↘ Câu 3
↘ Câu 3

2. Hộ nuôi theo phương thức nuôi nào sau đây?

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

- 1 Nuôi thâm canh, bán thâm canh 2 Nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến

3. Hộ được chọn mẫu điều tra thuộc loại hình mặt nước nào dưới đây?

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

- 1 Nuôi nước mặn 2 Nuôi nước lợ 3 Nuôi nước ngọt

4. Tổng số lao động thường xuyên tham gia: (người).

II. Thông tin về kết quả hoạt động nuôi thủy sản còn lại trong kỳ điều tra

([1] là phương thức; [2] là hình thức; [...] thời gian 06 tháng hoặc 12 tháng theo quy định của phương án)

5. Diện tích mặt nước thả nuôi thủy sản [1] theo hình thức [2] trong [...] qua: (m²)

(Diện tích tính từ phần mép bờ, không bao gồm ao lắng, ao lọc)

6. Diện tích thu hoạch thủy sản [1] theo hình thức [2] trong [...] qua: (m²)

(Tổng diện tích mặt nước thả nuôi cộng dồn các vụ trong kỳ điều tra)

7. Thời gian nuôi thủy sản [1] theo hình thức [2]: Từ tháng/20..... đến tháng/20.....

8. Hộ đã thu hoạch loại thủy sản nào sau đây trên diện tích thu hoạch thủy sản [1] theo hình thức [2] trong [...] qua?

(THIỆT BỊ HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM THỦY SẢN NUÔI TRỒNG (NẾU NUÔI NƯỚC MẶN: HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM NUÔI BIỂN; NẾU NUÔI NƯỚC LỢ, NGỌT: HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM NUÔI NỘI ĐỊA) ĐỂ ĐTV CHỌN CÁC SẢN PHẨM TƯƠNG ỨNG, MÀ HỘ NUÔI THỦY SẢN CÒN LẠI THU HOẠCH TRONG KỲ ĐIỀU TRA TRÊN DIỆN TÍCH NUÔI THỦY SẢN CÒN LẠI. HỎI LẦN LƯỢT CHO TỪNG SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỌN)

8.1 Tổng sản lượng [...] thu hoạch: (kg)

8.2 Tổng sản lượng [...] bán ra: (kg)

8.3 Giá bán trung bình [...] tại Ao (nơi sản xuất): (nghìn đồng/kg)

8.4 Tổng doanh thu bán [...]/: (nghìn đồng)

9. Tổng sản lượng thủy sản thu hoạch phân theo các tháng trong kỳ điều tra? (Đơn vị tính: kg)

(ĐỐI VỚI TỈNH ĐIỀU TRA 2 KỲ, CHƯƠNG TRÌNH HIỂN THỊ THÁNG 12 NĂM TRƯỚC ĐẾN THÁNG 5 NĂM ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI KỲ 01/6; HIỂN THỊ THÁNG 6 ĐẾN THÁNG 11 NĂM ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI KỲ 01/12; ĐỐI VỚI TỈNH ĐIỀU TRA 01 KỲ, CHƯƠNG TRÌNH HIỂN THỊ TỪ THÁNG 12 NĂM TRƯỚC ĐẾN THÁNG 11 NĂM ĐIỀU TRA)

<input type="text"/>											
(T12	(T1)	(T2)	(T3)	(T4)	(T5)	(T6)	(T7)	(T8)	(T9)	(T10)	(T11)
năm											
trước)											

Họ và tên người cung cấp thông tin: _____

Họ và tên điều tra viên: _____

Số điện thoại của điều tra viên: _____

Phiếu số 07-6T.N/DTTS-HM <i>(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)</i>	TỔNG CỤC THỐNG KÊ PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NUÔI THỦY SẢN TRỌNG ĐIỂM LÔNG, BÈ CỦA HỘ MẪU Kỳ điều tra:/...../20...
--	---

Tên loại sản phẩm thủy trọng điểm:..... Mã sản phẩm
(Ghi mã sản phẩm theo Phụ lục 4)

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:

Xã/phường/thị trấn:

Thôn/ấp/bản:

Họ và tên chủ hộ:Điện thoại liên hệ:

Khi phỏng vấn ghi phiếu, Điều tra viên chú ý những thông tin sau:

- Chỉ thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi thủy sản trọng điểm lông, bè tương ứng với loại hình mặt nước mà hộ được chọn mẫu để điều tra;
- Kết quả hoạt động nuôi thủy sản trọng điểm lông, bè do hộ trực tiếp tổ chức sản xuất, không bao gồm thông tin về hoạt động nuôi thủy sản trọng điểm mà hộ giao đơn vị khác nuôi gia công.

I. Thông tin chung

1. Hộ được chọn mẫu điều tra thuộc loại hình mặt nước nào dưới đây? (LỰA CHỌN MỘT Ô THÍCH HỢP)

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

1 Nuôi nước mặn 2 Nuôi nước lợ 3 Nuôi nước ngọt

2. Tổng số lông, bè nuôi [.....]: (cái)

3. Thời gian nuôi: Từ/20..... đến/20.....

4. Tổng số lao động thường xuyên tham gia: (người).

II. Thông tin về thu hoạch sản phẩm trong kỳ điều tra

([...] thời gian 06 tháng hoặc 12 tháng theo quy định của phương án)

5. Tổng số lông, bè cho thu hoạch [.....] trong [...] qua: (cái)

6. Tổng thể tích lông, bè thu hoạch [.....] trong [...] qua: (m³)

7. Hộ đã thu hoạch loại thủy sản nào sau đây trên tổng thể tích lông, bè nuôi [.....] thu hoạch trong [...] qua?

(THIẾT BỊ HIỂN THỊ SẢN PHẨM TRỌNG ĐIỂM; SAU ĐÓ HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM THỦY SẢN NUÔI TRỒNG TRỌNG (NẾU NUÔI NƯỚC MẶN: HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM NUÔI BIỂN; NẾU NUÔI NƯỚC LỢ, NGỌT: HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN

PHẨM NUÔI NỘI ĐỊA) ĐỂ ĐTV CHỌN CÁC SẢN PHẨM TƯƠNG ỨNG, MÀ HỘ NUÔI THỦY SẢN TRỌNG ĐIỂM LÔNG, BÈ THU HOẠCH TRONG KỶ ĐIỀU TRA TRÊN TỔNG THỂ TÍCH LÔNG, BÈ THU HOẠCH TRONG KỶ. HỎI LẦN LƯỢT CHO TỪNG SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỌN)

7.1 Tổng sản lượng [...] thu hoạch: (kg)

7.2 Tổng sản lượng [...] bán ra: (kg)

7.3 Giá bán trung bình [...] tại nơi sản xuất: (nghìn đồng/kg)

7.4 Tổng doanh thu bán [...] (nghìn đồng)

8. Tổng sản lượng [...] thu hoạch phân theo tháng trong kỳ điều tra? (Đơn vị tính: kg)

(ĐỐI VỚI TỈNH ĐIỀU TRA 2 KỶ, CHƯƠNG TRÌNH HIỂN THỊ THÁNG 12 NĂM TRƯỚC ĐẾN THÁNG 5 NĂM ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI KỶ 01/6; HIỂN THỊ THÁNG 6 ĐẾN THÁNG 11 NĂM ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI KỶ 01/12; ĐỐI VỚI TỈNH ĐIỀU TRA 01 KỶ, CHƯƠNG TRÌNH HIỂN THỊ TỪ THÁNG 12 NĂM TRƯỚC ĐẾN THÁNG 11 NĂM ĐIỀU TRA).

(T12 (T1) (T2) (T3) (T4) (T5) (T6) (T7) (T8) (T9) (T10) (T11)
năm
trước)

Họ và tên người cung cấp thông tin: _____

Họ và tên điều tra viên: _____

Số điện thoại của điều tra viên: _____

Phiếu số 08-6T.N/ĐTTS-HM

(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NUÔI THỦY SẢN CÒN LẠI LỒNG, BÈ CỦA HỘ MẪU

Kỳ điều tra:/...../20...

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:.....

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:

Xã/phường/thị trấn:.....

Thôn/ấp/bản:.....

Họ và tên chủ hộ:.....

Khi phỏng vấn ghi phiếu, Điều tra viên chú ý những thông tin sau:

- Chỉ thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi thủy sản lồng, bè tương ứng với loại hình mặt nước mà hộ được chọn mẫu để điều tra;
- Kết quả hoạt động nuôi thủy sản lồng, bè do hộ trực tiếp tổ chức sản xuất, không bao gồm thông tin về hoạt động nuôi thủy sản mà hộ giao đơn vị khác nuôi gia công.

Thông tin chung

1. Hộ được chọn mẫu điều tra thuộc loại hình mặt nước nào dưới đây? (LỰA CHỌN MỘT Ô THÍCH HỢP)

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

1 Nuôi nước mặn 2 Nuôi nước lợ 3 Nuôi nước ngọt

2. Tổng số lồng, bè nuôi thủy sản còn lại: (cái)

3. Thời gian nuôi: Từ tháng...../20..... đến tháng...../20.....

4. Tổng số lao động thường xuyên tham gia: (người).

II. Thông tin về thu hoạch sản phẩm trong kỳ điều tra

([...] thời gian 06 tháng hoặc 12 tháng theo quy định của phương án)

5. Tổng số lồng, bè cho thu hoạch thủy sản còn lại trong [...] qua: (cái)

6. Tổng thể tích lồng, bè thu hoạch thủy sản còn lại trong [...] qua: (m³)

7. Hộ đã thu hoạch loại thủy sản nào sau đây trên tổng thể tích lồng, bè thu hoạch thủy sản còn lại trong [...] qua?

(THIẾT BỊ HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM THỦY SẢN NUÔI TRỒNG TRÒNG (NẾU NUÔI NƯỚC MẶN: HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM NUÔI BIỂN; NẾU NUÔI NƯỚC LỢ, NGỌT: HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM NUÔI NỘI ĐỊA) ĐỂ ĐTV CHỌN CÁC SẢN PHẨM TƯƠNG ỨNG, MÀ HỘ NUÔI THỦY SẢN CÒN LẠI LỒNG, BÈ THU HOẠCH TRONG KỶ ĐIỀU TRA TRÊN TỔNG THỂ TÍCH LỒNG, BÈ THU HOẠCH TRONG KỶ. HỎI LẦN LƯỢT CHO TỪNG SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỌN)

- 7.1 Tổng sản lượng [...] thu hoạch: (kg)
- 7.2 Tổng sản lượng [...] bán ra : (kg)
- 7.3 Giá bán trung bình [.....] tại nơi sản xuất: (nghìn đồng/kg)
- 7.4 Tổng doanh thu bán [.....] (nghìn đồng)

8. Tổng sản lượng thủy sản thu hoạch phân theo tháng trong kỳ điều tra? (Đơn vị tính: kg)

(Thông tin thu hoạch tháng 12 thuộc năm trước năm điều tra; từ tháng 1 đến tháng 11 thuộc năm điều tra)

(ĐIỀN THÔNG TIN VÀO CÁC Ô THÍCH HỢP)

<input type="text"/>											
----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

(T12 (T1) (T2) (T3) (T4) (T5) (T6) (T7) (T8) (T9) (T10) (T11)
năm
trước)

Họ và tên người cung cấp thông tin: _____

Họ và tên điều tra viên: _____

Số điện thoại của điều tra viên: _____

Phiếu số 09-6T.N/ĐTTS-HO*(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)***TỔNG CỤC THỐNG KÊ****PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT, THUẦN DƯỠNG GIỐNG THỦY SẢN VÀ NUÔI CÁ CẢNH CỦA HỘ**

Kỳ điều tra:/...../20...

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:.....

Xã/phường/thị trấn:

1. Thông tin về kết quả sản xuất của các hộ chuyên sản xuất giống thủy sản

TT	Hộ số	Họ và tên chủ hộ	Tên loại giống thủy sản sản xuất	Mã sản phẩm (CQTK ghi)	Loại mặt nước Mặn = 1 Lợ = 2 Ngọt = 3	Diện tích nuôi* (m^2)	Thể tích nuôi (m^3)	Trị giá vốn mua vào con giống (nếu có) (Nghìn đồng)	Số lượng bán ra (triệu con)	Doanh thu bán ra (Nghìn đồng)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6

* Không quy đổi diện tích mặt nước từ thể tích nuôi bể, bồn ở cột 3.

2. Thông tin về kết quả sản xuất của các hộ chuyên thuần dưỡng giống thủy sản

STT	Hộ số	Họ và tên chủ hộ	Tên loại giống thủy sản được thuần dưỡng	Mã sản phẩm (CQTK ghi)	Loại mặt nước Mặn = 1 Lợ = 2 Ngọt = 3	Diện tích thuần dưỡng giống ** (m ²)	Thể tích thuần dưỡng giống (m ³)	Số lượng con giống được thuần dưỡng (triệu con)	Doanh thu từ hoạt động thuần dưỡng (Nghìn đồng)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5

** Không quy đổi diện tích mặt nước từ thể tích nuôi bể, bồn ở cột 3.

3. Thông tin về kết quả sản xuất của các hộ chuyên nuôi cá cảnh

(Chỉ bao gồm những hộ trực tiếp nuôi cá cảnh để bán, không gồm hộ kinh doanh thương mại cá cảnh)

STT	Hộ số	Họ và tên chủ hộ	Tên loại cá cảnh sản xuất	Mã sản phẩm (CQTK ghi)	Diện tích nuôi *** (m ²)	Thể tích (m ³)	Số lượng bán ra (Nghìn con)	Doanh thu bán ra (Nghìn đồng)
A	B	C	D	1	2	3	4	5

*** Không quy đổi diện tích mặt nước từ thể tích nuôi bể, bồn ở cột 3.

Họ và tên người cung cấp thông tin: _____

Họ và tên điều tra viên: _____

Số điện thoại của điều tra viên: _____

Phiếu số 10/ĐTTS-HM <i>(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)</i>	TỔNG CỤC THỐNG KÊ PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KHAI THÁC THỦY SẢN NỘI ĐỊA CỦA HỘ MẪU Kỳ điều tra:/...../20...
---	--

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:.....

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:.....

Xã/phường/thị trấn:.....

Thôn/ấp/bản:.....

Họ và tên chủ hộ:Điện thoại liên hệ:.....

Trong 12 tháng qua, hộ khai thác được những sản phẩm thủy sản nào sau đây?

(THIẾT BỊ HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM THỦY SẢN KHAI THÁC NỘI ĐỊA ĐỂ ĐTV CHỌN CÁC SẢN PHẨM TƯƠNG ỨNG, MÀ HỘ KHAI THÁC TRONG KỲ ĐIỀU TRA. HỎI LẦN LƯỢT CHO TỪNG SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỌN)

1.1 Tổng sản lượng [....] hộ khai thác trong 12 tháng qua: (kg)

1.1.1. Trong đó: Sản lượng bán [....] trong 12 tháng qua: (kg)

1.1.2. Tổng doanh thu bán [....] trong 12 tháng qua: (nghìn đồng)

Họ và tên người cung cấp thông tin: _____

Họ và tên điều tra viên: _____

Số điện thoại của điều tra viên: _____

Phiếu số 11/ĐTTS-HM <i>(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)</i>	TỔNG CỤC THỐNG KÊ PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KHAI THÁC THỦY SẢN BIÊN KHÔNG DÙNG PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI CỦA HỘ MẪU Kỳ điều tra:/...../20...
---	--

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:.....
 Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:.....
 Xã/phường/thị trấn:.....
 Thôn/ấp/bản:.....
 Họ và tên chủ hộ:Điện thoại liên hệ:.....

1. Trong 12 tháng qua, hộ khai thác được những sản phẩm thủy sản nào sau đây?

THIẾT BỊ HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM THỦY SẢN KHAI THÁC BIÊN ĐỀ ĐTV CHỌN CÁC SẢN PHẨM TƯƠNG ỨNG, MÀ HỘ KHAI THÁC TRONG KỲ ĐIỀU TRA. HỎI LẦN LƯỢT CHO TỪNG SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỌN)

1.1. Tổng sản lượng [...] hộ khai thác trong 12 tháng qua: (kg)

1.1.1. Trong đó: Sản lượng bán [...] trong 12 tháng qua: (kg)

1.1.2. Tổng doanh thu bán [...] trong 12 tháng qua: (nghìn đồng)

Họ và tên người cung cấp thông tin: _____

Họ và tên điều tra viên: _____

Số điện thoại của điều tra viên: _____

Phiếu số 12B-T/ĐTTS-HM <i>(Thông tin ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)</i>	TỔNG CỤC THỐNG KÊ PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ SẢN LƯỢNG KHAI THÁC THỦY SẢN BIỂN Tháng:/20...
--	--

Nhóm nghề khai thác: ; Nhóm công suất:

(THÔNG TIN TỰ ĐỘNG LẤY TỪ DANH SÁCH HỘ MẪU SANG)

Thông tin định danh

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc TW:

Xã/phường/thị trấn:

Cảng cá/bến cá:

Họ và tên chủ tàu, thuyền:Điện thoại liên hệ:

I. Thông tin tàu thuyền

1. Số đăng ký tàu :

2. Tổng công suất máy chính (CV)

3. Chiều dài tàu: (m)

4. Số ngày khai thác trong tháng trước: (ngày)

5. Nghề khai thác chính: 5.1 Mã nghề

Thông tin về chuyến khai thác biển gần nhất

6. Số nhân công: (người) 6.1 Trong đó: Lao động thuê ngoài: (người)

7. Tên vùng biển khai thác: 7.1 Mã vùng khai thác

8. Đối tượng khai thác chủ yếu (Ghi rõ: cá thu, mực,...):

9. Thời gian chuyến đi: (ngày)

10. Số ngày không hoạt động trong chuyến: (ngày)

11. Tổng chi phí cho chuyến đi khai thác biển gần nhất: (Nghìn đồng)

11.1. Nhiên liệu (Dầu, nhớt) (Nghìn đồng)

11.2. Chi cho ăn uống (Nghìn đồng)

11.3. Chi phí bảo quản (bao bì, đá) (Nghìn đồng)

11.4. Các chi phí khác (Phí, sửa chữa nhỏ, khấu hao...) (Nghìn đồng)

11.5. Trả công lao động: (Nghìn đồng)

II. Thông tin về sản lượng khai thác của chuyến gần nhất

(Đối với Nghề sử dụng cặp tàu để khai thác (giã đôi) thì chi phí và sản lượng khai thác được ghi tổng số của cả 2 tàu; các thông tin định danh chỉ ghi cho tàu được chọn mẫu).

1. Hộ khai thác được những sản phẩm nào sau đây trong chuyến đi biển gần nhất?

THIẾT BỊ HIỂN THỊ DANH MỤC SẢN PHẨM THỦY SẢN KHAI THÁC BIỂN ĐỀ ĐTV CHỌN CÁC SẢN PHẨM TƯƠNG ỨNG, MÀ HỘ KHAI THÁC TRONG CHUYẾN ĐI BIỂN GẦN NHẤT. HỎI LẦN LƯỢT CHO TỪNG SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỌN

1.1. Tổng sản lượng [....] hộ khai thác được:

(kg)

1.2. Giá bán [.....] bình quân đạt:

(nghìn đồng/kg)

1.3. Tổng doanh thu bán [.....] là:

(Nghìn đồng)

Họ và tên người cung cấp thông tin: _____

Họ và tên điều tra viên: _____

Số điện thoại của điều tra viên: _____

Phụ lục 1

QUY MÔ MẪU VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU

A. Nuôi trồng thủy sản

Danh sách hộ mẫu nuôi trồng thủy sản được cố định trong vòng 02-03 năm và cố định theo từng kỳ, 01/6 và 01/12.

I. Nuôi thủy sản hình thức Ao

1. Chọn mẫu nuôi thủy sản trọng điểm

Ngoài các loại thủy sản trọng điểm: cá tra, tôm sú và tôm thẻ chân trắng. Các tỉnh được chọn số lượng loại thủy sản trọng điểm để điều tra như sau:

+ 28 tỉnh ven biển và Long An: được chọn tối đa 06 loại thủy sản trọng điểm (bao gồm cả trọng điểm nước lợ và nước ngọt).

+ Các tỉnh còn lại: được chọn tối đa 03 loại thủy sản trọng điểm;

1.1. Chọn mẫu hộ nuôi cá tra

Thực hiện điều tra mẫu hộ nuôi cá tra đối với các tỉnh có diện tích nuôi cá tra cho thu hoạch trong kỳ điều tra từ 10 ha trở lên.

a) Qui mô mẫu

Mẫu cá tra được chọn theo 2 cấp:

- Mẫu cấp I:

+ Xã mẫu đối với các tỉnh không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long

+ Thôn mẫu¹⁰ đối với các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Mẫu cấp II: Hộ mẫu

Số lượng xã mẫu, thôn mẫu và hộ mẫu của mỗi tỉnh được xác định theo diện tích thu hoạch cá tra trong bảng sau:

(1) Nuôi thâm canh

Diện tích thu hoạch của tỉnh	Xã mẫu (xã)	Thôn mẫu (thôn)	Hộ mẫu (hộ)
Từ 500 ha trở lên	8	10	80
Từ 200 ha đến dưới 500 ha	6	8	60
Từ 100 ha đến dưới 200 ha	5	6	40
Dưới 100 ha	3	4	30

¹⁰ Các phường, thị trấn khu vực thành thị thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long được tính như một thôn

(2) Nuôi bán thâm canh

Diện tích thu hoạch của tỉnh	Xã mẫu (xã)	Thôn mẫu (thôn)	Hộ mẫu (hộ)
Từ 500 ha trở lên	8	10	80
Từ 200 ha đến dưới 500 ha	6	8	60
Từ 100 ha đến dưới 200 ha	5	6	40
Dưới 100 ha	3	4	30

(3) Nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến

Diện tích thu hoạch của tỉnh	Xã mẫu (xã)	Thôn mẫu (thôn)	Hộ mẫu (hộ)
Từ 1.000 ha trở lên	10	18-20	70-90
Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	8	10-12	50-60
Từ 100 đến dưới 500 ha	6	6-8	40
Dưới 100 ha	3	3-5	30

b) Phương pháp chọn mẫu:

Cục Thống kê chọn xã mẫu hoặc thôn mẫu và hộ mẫu

- Chọn mẫu cấp I (thôn mẫu, xã mẫu)

Bước 1. Căn cứ vào diện tích thu hoạch cá tra trong Biểu 01A/TG-CÁ TRA của Phụ lục 3, tiến hành lập danh sách các thôn (xã) có diện tích thu hoạch cá tra từ 1 ha trở lên theo từng phương thức nuôi (thâm canh; bán thâm canh; quảng canh, quảng canh cải tiến) lần lượt theo thứ tự danh mục đơn vị hành chính cấp xã của toàn tỉnh như sau:

STT	Tên thôn (xã)	DT thu hoạch cá tra của thôn (xã)	Diện tích thu hoạch cá tra cộng dồn
A	B	1	2
1	X1	D1	D1
2	X2	D2	D1+D2
3	X3	D3	D1+D2+D3
·
..	Xn	Dn	D1+D2+D3+...+Dn

Bước 2. Tính khoảng cách chọn thôn mẫu, xã mẫu (k):

$$\text{Khoảng cách chọn thôn mẫu, xã mẫu (k)} = \frac{\text{Tổng diện tích thu hoạch cá tra cộng dồn theo phương thức tương ứng của toàn tỉnh (ha)}}{\text{Tổng số thôn mẫu, xã mẫu của tỉnh}} \quad (1)$$

Chọn số ngẫu nhiên i nằm trong khoảng từ 1 đến k ($i < k$). Chọn thôn (hoặc xã) đầu tiên có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với giá trị i . Các thôn mẫu (hoặc xã mẫu) được chọn tiếp theo là thôn (hoặc xã) có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với các giá trị $i+k, i+2k, i+3k, \dots$ cho đến khi đủ số đơn vị chọn mẫu cấp I.

Bước 3. Lập danh sách thôn mẫu, xã mẫu nuôi cá tra

Sau khi chọn được thôn mẫu, xã mẫu nuôi cá tra theo từng phương thức nuôi: thâm canh; bán thâm canh; quảng canh, quảng canh cải tiến. Tiến hành lập danh sách thôn mẫu, xã mẫu nuôi cá tra (chung của các phương thức nuôi) lần lượt theo thứ tự danh mục hành chính. Trường hợp một thôn mẫu, xã mẫu được chọn thuộc các phương thức nuôi trên thì chỉ lập danh sách một lần đối với thôn mẫu, xã mẫu nuôi cá tra; trong danh sách có các phương thức nuôi được chọn.

Ví dụ: Thôn A được chọn là thôn mẫu nuôi cá tra thâm canh, và được chọn là thôn mẫu nuôi cá tra quảng canh, quảng canh cải tiến, khi lập danh sách thôn mẫu nuôi cá tra của toàn tỉnh, thôn A chỉ xuất hiện trong danh sách duy nhất một lần.

- Chọn hộ mẫu:

Bước 1: Lập danh sách các hộ thu hoạch cá tra trong kỳ điều tra của tỉnh theo từng phương thức nuôi tương ứng (thâm canh; bán thâm canh; quảng canh, quảng canh cải tiến)

+ Chi cục Thống kê huyện có thôn mẫu, xã mẫu phối hợp với Thống kê xã và trưởng thôn thực hiện lập danh sách các hộ nuôi cá tra cho thu hoạch trong kỳ điều tra theo phương thức nuôi tương ứng của các thôn mẫu, xã mẫu, sau đó gửi danh sách này về Cục Thống kê để chọn mẫu;

+ Cục Thống kê tổng hợp danh sách hộ nuôi cá tra cho thu hoạch trong kỳ điều tra của các thôn mẫu, xã mẫu chung toàn tỉnh theo phương thức nuôi: thâm canh; bán thâm canh; quảng canh, quảng canh cải tiến theo thứ tự Danh mục hành chính.

Bước 2: Xác định khoảng cách chọn hộ.

$$\text{Khoảng cách chọn hộ mẫu cá tra theo phương thức nuôi (k)} = \frac{\text{Tổng số hộ nuôi cá tra cho thu hoạch của các thôn mẫu, xã mẫu toàn tỉnh theo phương thức nuôi}}{\text{Tổng số hộ mẫu của tỉnh}} \quad (2)$$

Bước 3: Chọn hộ mẫu

Chọn số ngẫu nhiên i nằm trong khoảng từ 1 đến k ($i < k$). Hộ đầu tiên được chọn là hộ có số thứ tự i trong danh sách hộ nuôi cá tra cho thu hoạch của

các thôn mẫu, xã mẫu toàn tỉnh. Hộ mẫu tiếp theo là các hộ có số thứ tự bằng với các giá trị (được làm tròn): $i+k$; $i+2k$; ...; $i+(n-1)k$.

Trong đó: k là khoảng cách chọn hộ được xác định theo công thức (2); k có thể là số thập phân và được làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy; n là số lượng hộ mẫu của tỉnh.

Ví dụ: Tỉnh A thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích thu hoạch cá tra của toàn tỉnh theo phương thức thâm canh 495 ha, số hộ mẫu theo quy định là 60 hộ, tổng số hộ nuôi cá tra theo hình thức thâm canh được lập từ các thôn mẫu của tỉnh là 156 hộ, các hộ mẫu sẽ được chọn như sau:

- Xác định khoảng cách chọn hộ

$$k = \frac{156}{60} = 2,6$$

Giả sử hộ đầu tiên được chọn là hộ số 2 trong danh sách hộ;

Các giá trị để chọn hộ tiếp theo lần lượt như sau:

$$\text{Hộ thứ 2: } 2+2,6 = 4,6 \approx 5;$$

$$\text{Hộ thứ 3: } 2+5,2 = 7,2 \approx 7;$$

$$\text{Hộ thứ 4: } 2+7,8 = 9,8 \approx 10;$$

$$\text{Hộ thứ 5: } 2+10,4 = 12,4 \approx 12;$$

Các hộ được chọn tiếp theo là các hộ có số thứ tự 5; 7; ... trong danh sách hộ.

Lưu ý: Trường hợp tổng số hộ nuôi cá tra cho thu hoạch theo từng phương thức nuôi (thâm canh; bán thâm canh; quảng canh, quảng canh cải tiến) tổng hợp từ các thôn (xã) mẫu nhỏ hơn cận dưới của số lượng hộ mẫu quy định, thì tiến hành điều tra toàn bộ.

Quy định này áp dụng tương tự đối với chọn mẫu điều tra khác trong phương án điều tra này.

1.2. Chọn mẫu hộ nuôi tôm sú

Áp dụng cho các tỉnh nuôi tôm sú có diện tích nuôi cho thu hoạch trong kỳ điều tra từ 10 ha trở lên. Quy mô mẫu và phương pháp chọn mẫu cho từng nhóm phương thức nuôi như sau:

a) Quy mô mẫu

Mẫu tôm sú được chọn theo 2 cấp:

- Mẫu cấp I:

- + Xã mẫu đối với các tỉnh không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
- + Thôn mẫu đối với các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Mẫu cấp II: hộ mẫu

Số lượng mẫu mỗi cấp được quy định cho các tỉnh theo bảng sau:

+ *Đối với các tỉnh không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long*

Nuôi thâm canh, bán thâm canh			Nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến		
Diện tích thu hoạch của tỉnh	Xã mẫu (xã)	Hộ mẫu (hộ)	Diện tích thu hoạch của tỉnh	Xã mẫu (xã)	Hộ mẫu (hộ)
Từ 1.000 ha trở lên	5	50	Từ 2.000 ha trở lên	5	50
Từ 200 ha đến dưới 1.000 ha	4	40	Từ 1.000 ha đến dưới 2.000 ha	4	40
Từ 50 ha đến dưới 200 ha	3	30	Từ 200 ha đến dưới 1.000 ha	3	30
Dưới 50 ha	2	20	Dưới 200 ha	2	20

+ *Đối với các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long*

Nuôi thâm canh, bán thâm canh			Nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến		
Diện tích thu hoạch của tỉnh	Thôn mẫu (thôn)	Hộ mẫu (hộ)	Diện tích thu hoạch của tỉnh	Thôn mẫu (thôn)	Hộ mẫu (hộ)
Từ 10.000 ha trở lên	12	120	Từ 200.000 ha trở lên	20-30	300
Từ 2.000 ha đến dưới 10.000 ha	8	80	Từ 100.000 ha đến dưới 200.000 ha	15-18	150-180
Từ 500 ha đến dưới 2.000 ha	7	70	Từ 10.000 ha đến dưới 100.000 ha	8-10	80-100
Dưới 500 ha	5	50	Dưới 10.000 ha	4-6	40-60

b) Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu các cấp theo từng nhóm phương thức nuôi.

- Chọn mẫu cấp I (xã mẫu, thôn mẫu): Cục Thống kê chọn.

Căn cứ vào diện tích thu hoạch tôm sú từ Biểu 01B/TG-TÔM SÚ của Phụ lục 3, tiến hành lập danh sách các xã, thôn có diện tích thu hoạch tôm sú nuôi thâm canh/bán thâm canh từ 1 ha trở lên; xã, thôn có diện tích thu hoạch tôm sú nuôi quảng canh/quảng canh cải tiến từ 2 ha trở lên của tỉnh theo Danh mục các đơn vị hành chính (mẫu danh sách giống danh sách xã, thôn nuôi cá tra).

Các bước chọn xã, thôn mẫu tương tự như chọn xã, thôn mẫu cá tra.

Lập danh sách xã, thôn mẫu nuôi tôm sú: tương tự như lập danh sách xã, thôn mẫu nuôi cá tra.

- Chọn hộ mẫu: Cục Thống kê chọn hộ mẫu.

Chi cục Thống kê huyện có xã, thôn được chọn phối hợp với Thống kê xã và trường thôn lập danh sách các hộ có nuôi tôm sú cho thu hoạch trong kỳ điều tra của các xã, thôn mẫu, gửi danh sách này về Cục Thống kê tỉnh để tiến hành chọn mẫu.

Cục Thống kê chọn hộ mẫu cho từng nhóm phương thức nuôi chung toàn tỉnh. Các hộ được chọn điều tra mẫu là hộ có diện tích thu hoạch tôm sú theo nhóm phương thức nuôi thâm canh, bán thâm canh hoặc quảng canh, quảng canh cải tiến. Các bước chọn hộ mẫu tương tự như chọn hộ mẫu cá tra.

1.3. Chọn mẫu hộ nuôi thẻ chân trắng

Áp dụng cho các tỉnh nuôi tôm thẻ chân trắng có diện tích thu hoạch trong kỳ điều tra từ 10 ha trở lên. Quy mô mẫu và phương pháp chọn mẫu cho từng nhóm phương thức nuôi như sau:

a) Quy mô mẫu

Mẫu tôm thẻ chân trắng được chọn theo 2 cấp:

- Mẫu cấp I:

- + Xã mẫu đối với các tỉnh không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
- + Thôn mẫu đối với các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Mẫu cấp II: Hộ mẫu

Số lượng mẫu mỗi cấp được quy định cho các tỉnh theo bảng sau:

+ Đối với các tỉnh không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Nuôi siêu thâm canh		Nuôi thâm canh, bán thâm canh			Nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến		
Xã mẫu (xã)	Hộ mẫu (hộ)	Diện tích thu hoạch của tỉnh	Xã mẫu (xã)	Hộ mẫu (hộ)	Diện tích thu hoạch của tỉnh	Xã mẫu (xã)	Hộ mẫu (hộ)
2-3	15-20	Từ 1.000 ha trở lên	7-8	70-80	Từ 100 ha trở lên	4-5	40-50
		Từ 500 ha đến dưới 1.000 ha	5-6	40-60	Dưới 100 ha	2-3	20-30
		Dưới 500 ha	3-4	30-40			

+ Đối với các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Nuôi siêu thâm canh		Nuôi thâm canh, bán thâm canh			Nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến		
Thôn mẫu (thôn)	Hộ mẫu (hộ)	Diện tích thu hoạch của tỉnh	Thôn mẫu (thôn)	Hộ mẫu (hộ)	Diện tích thu hoạch của tỉnh	Thôn mẫu (thôn)	Hộ mẫu (hộ)
2-5	10-30	Từ 10.000 ha trở lên	15	150	Từ 100 ha trở	3-4	20-25

					lên		
		Từ 3.000 ha đến dưới 10.000 ha	12	120	Dưới 100 ha	2-3	15-20
		Dưới 3.000 ha	6	80			

b) Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu các cấp theo từng nhóm phương thức nuôi.

- Chọn mẫu cấp I (xã mẫu, thôn mẫu): Cục Thống kê chọn.

Căn cứ vào diện tích thu hoạch tôm thẻ chân trắng từ Biểu 01C/TG-TÔM THẺ của Phụ lục 3, tiến hành lập danh sách các xã, thôn có diện tích thu hoạch tôm thẻ chân trắng nuôi thâm canh/bán thâm canh từ 1 ha trở lên; xã, thôn có diện tích thu hoạch tôm thẻ chân trắng nuôi quảng canh/quảng canh cải tiến từ 2 ha trở lên; xã, thôn có diện tích thu hoạch tôm thẻ chân trắng nuôi siêu thâm canh của tỉnh theo Danh mục các đơn vị hành chính (mẫu danh sách giống danh sách xã, thôn nuôi cá tra).

Các bước chọn xã, thôn mẫu tương tự như chọn xã, thôn mẫu cá tra.

Lập danh sách xã, thôn mẫu nuôi tôm thẻ chân trắng: tương tự như lập danh sách xã, thôn mẫu nuôi cá tra.

- Chọn hộ mẫu: Cục Thống kê chọn hộ mẫu.

Chi cục Thống kê huyện có xã, thôn được chọn phối hợp với Thống kê xã và trưởng thôn lập danh sách các hộ có nuôi tôm thẻ chân trắng cho thu hoạch trong kỳ điều tra của các xã, thôn mẫu, gửi danh sách này về Cục Thống kê tỉnh để tiến hành chọn mẫu.

Cục Thống kê chọn hộ mẫu cho từng nhóm phương thức nuôi chung toàn tỉnh. Các hộ được chọn điều tra mẫu là hộ có diện tích thu hoạch tôm thẻ chân trắng theo nhóm phương thức nuôi siêu thâm canh, thâm canh/bán thâm canh hoặc quảng canh/quảng canh cải tiến. Các bước chọn hộ mẫu tương tự như chọn hộ mẫu cá tra.

1.4. Chọn mẫu hộ nuôi loại thủy sản trọng điểm khác

Loại thủy sản trọng điểm khác (ngoài cá tra, tôm sú, tôm thẻ chân trắng) thường là loại chiếm tỷ trọng lớn về sản lượng nuôi trồng hoặc có giá trị kinh tế cao của tỉnh. Ví dụ: cá trắm, cá chép, cá diêu hồng, cá lăng, tôm càng xanh, cá bống bớp,...

Tùy theo mục đích thu thập thông tin, loại thủy sản trọng điểm của tỉnh có thể xác định cho vùng nuôi trồng hoặc trên phạm vi toàn tỉnh.

Quy mô mẫu và phương pháp chọn mẫu cho từng nhóm phương thức nuôi (thâm canh, bán thâm canh; quảng canh, quảng canh cải tiến).

a) Qui mô mẫu

Mẫu thủy sản trọng điểm được chọn theo 2 cấp:

- Mẫu cấp I:

+ Xã mẫu đối với các tỉnh không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long

+ Thôn mẫu đối với các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Xã, thôn mẫu: Mỗi tỉnh chọn từ 3 đến 5 xã, thôn mẫu tùy theo quy mô diện tích thu hoạch loại thủy sản trọng điểm của tỉnh gắn với từng phương thức nuôi (thâm canh, bán thâm canh; quảng canh, quảng canh cải tiến);

- Mẫu cấp II: Hộ mẫu: Mỗi tỉnh chọn từ 20 đến 30 hộ mẫu cho từng loại thủy sản trọng điểm tùy theo quy mô diện tích thu hoạch loại thủy sản trọng điểm của tỉnh gắn với từng phương thức nuôi (thâm canh, bán thâm canh; quảng canh, quảng canh cải tiến).

b) Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu các cấp theo từng nhóm phương thức nuôi.

- Chọn thôn, xã mẫu: Cục Thống kê tỉnh chọn thôn, xã mẫu.

Căn cứ vào diện tích thu hoạch loại thủy sản trọng điểm theo Biểu 01D/TG-TSTD của Phụ lục 3, tiến hành lập danh sách các xã, thôn có diện tích thu hoạch loại thủy sản trọng điểm của tỉnh theo Danh mục các đơn vị hành chính để chọn ra các xã, thôn mẫu. Các bước chọn xã, thôn mẫu tương tự như chọn xã, thôn mẫu cá tra.

Lập danh sách các xã, thôn mẫu nuôi thủy sản trọng điểm: tương tự như lập danh sách xã, thôn mẫu nuôi cá tra.

- Chọn hộ mẫu: Cục Thống kê chọn hộ mẫu.

Chi cục Thống kê huyện có xã, thôn được chọn phối hợp với Thống kê xã và trưởng thôn lập danh sách các hộ có nuôi loại thủy sản trọng điểm cho thu hoạch trong kỳ điều tra của các xã, thôn mẫu, gửi danh sách này về Cục Thống kê tỉnh để tiến hành chọn hộ mẫu tương tự như chọn hộ mẫu cá tra.

1.5. Chọn mẫu hộ nuôi thủy sản nước ngọt còn lại

Tiến hành chọn mẫu ở các tỉnh có diện tích thu hoạch thủy sản nước ngọt còn lại (không bao gồm diện tích nuôi cá tra và diện tích nuôi loại thủy sản trọng điểm nước ngọt đã xác định ở mục 1.4).

Mỗi tỉnh tiến hành chọn mẫu theo 2 nhóm phương thức nuôi thâm canh/bán thâm canh và quảng canh/quảng canh cải tiến. Những tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên chọn mẫu chung, không chia theo nhóm phương thức.

a) Qui mô mẫu

- Mẫu cấp I: Xã mẫu, thôn mẫu
 - + Chọn xã mẫu: Các tỉnh không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long
 - + Chọn thôn mẫu: Các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long
 - Mẫu cấp II: Thôn mẫu (không áp dụng cho các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long)
 - Mẫu cấp III: Hộ mẫu
- Số lượng mẫu mỗi cấp được quy định cho các tỉnh theo bảng sau:

Nuôi thâm canh/ bán thâm canh				Nuôi quảng canh/quảng canh cải tiến			
Diện tích thu hoạch thủy sản nước ngọt còn lại của tỉnh	Xã mẫu (xã)	Thôn mẫu (thôn)	Hộ mẫu (hộ)	Diện tích thu hoạch thủy sản nước ngọt còn lại của tỉnh	Xã mẫu (xã)	Thôn mẫu (thôn)	Hộ mẫu (hộ)
Từ 10.000 ha trở lên	15	30	150	Từ 10.000 ha trở lên	10	20	100
Từ 5.000 đến dưới 10.000 ha	12	24	120	Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha	7	14	70
Từ 2.000 đến dưới 5.000 ha	8	16	80	Dưới 5.000 ha	5	10	50
Dưới 2.000 ha	5	10	50				

Số lượng mẫu của các tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên áp dụng theo phương thức nuôi quảng canh/quảng canh cải tiến.

b) Phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu các cấp theo từng nhóm phương thức nuôi.

- Chọn mẫu cấp I: Xã, thôn mẫu: Cục Thống kê chọn.

Căn cứ vào diện tích thu hoạch thủy sản nước ngọt còn lại theo từng phương thức nuôi (thâm canh/bán thâm canh, quảng canh/quảng canh cải tiến) từ Biểu 01E/TG-TSCL của Phụ lục 3 (không bao gồm diện tích cá tra và diện tích loại thủy sản trọng điểm đã xác định ở mục 1.4), tiến hành lập danh sách xã, thôn có diện tích thu hoạch thủy sản nước ngọt còn lại từ 1 ha trở lên theo từng nhóm phương thức nuôi (các tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc và Tây Nguyên không chia theo phương thức nuôi) theo Danh mục các đơn vị hành chính.

Các bước chọn xã, thôn mẫu tương tự như chọn xã, thôn mẫu cá tra.

Lập danh sách các xã, thôn mẫu nuôi thủy sản nước ngọt còn lại: tương tự như lập danh sách xã, thôn mẫu nuôi cá tra.

- Chọn mẫu cấp II: Thôn mẫu (Không áp dụng với các tỉnh vùng ĐBSCL)

Chi cục Thống kê có xã mẫu phối hợp với Thống kê xã để chọn thôn mẫu.

Mỗi xã mẫu chọn 2 thôn mẫu theo phương pháp chuyên gia đảm bảo thôn được chọn là thôn có diện tích nuôi các loại thủy sản chủ yếu của xã, có diện tích thu hoạch thủy sản nước ngọt còn lại từ 0,2 ha trở lên.

Kiểm tra tính đại diện: Các xã/thôn được chọn phải đảm bảo nuôi đa dạng các loại thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác).

- Chọn mẫu cấp III: Hộ mẫu

Chi cục Thống kê phối hợp với Thống kê xã và trưởng thôn chọn hộ mẫu. Số hộ mẫu của từng huyện có nuôi trồng thủy sản nước ngọt còn lại sẽ do Cục Thống kê phân bổ.

• *Đối với các tỉnh không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long*: Số hộ mẫu của mỗi huyện được tính bằng số hộ mẫu bình quân một xã mẫu của toàn tỉnh nhân với số xã mẫu của huyện.

• *Đối với các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long*: Số hộ mẫu của mỗi huyện được tính bằng số hộ mẫu bình quân một thôn mẫu của toàn tỉnh nhân với số thôn mẫu của huyện.

+ Cách chọn: Lập danh sách các hộ có nuôi thủy sản nước ngọt còn lại cho thu hoạch trong kỳ điều tra theo từng phương thức nuôi thâm canh/bán thâm canh và quảng canh/quảng canh cải tiến của các thôn mẫu theo thứ tự từ đầu thôn đến cuối thôn, lần lượt từ thôn thứ nhất đến thôn thứ hai của tất cả các xã mẫu.

Các bước tiếp theo tương tự như chọn hộ mẫu cá tra.

1.6. Chọn mẫu hộ nuôi thủy sản nước lợ còn lại

Tiến hành chọn mẫu ở tất cả các tỉnh có diện tích thu hoạch thủy sản nước lợ còn lại (không bao gồm diện tích tôm sú, tôm thẻ chân trắng và loại thủy sản trọng điểm nước lợ đã xác định ở mục 1.4).

Mỗi tỉnh tiến hành chọn mẫu theo 2 nhóm phương thức nuôi thâm canh/bán thâm canh và quảng canh/quảng canh cải tiến.

a) Quy mô mẫu

- Mẫu cấp I:

+ Chọn xã mẫu: Các tỉnh không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long

+ Chọn thôn mẫu: Các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long

- Mẫu cấp II: Thôn mẫu (không áp dụng cho các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long)

- Mẫu cấp III: Hộ mẫu

Số lượng mẫu mỗi cấp được quy định theo từng phương thức nuôi (thâm canh, bán thâm canh; quảng canh, quảng canh cải tiến) theo bảng sau:

Diện tích thu hoạch thủy sản nước lợ còn lại của tỉnh	Xã mẫu (xã)	Thôn mẫu (thôn)	Hộ mẫu (hộ)
Từ 500 ha trở lên	8	16	80
Từ 200 ha đến dưới 500 ha	6	12	60
Dưới 200 ha	4	8	40

b) Phương pháp chọn mẫu

- Chọn mẫu cấp I: Xã mẫu, thôn mẫu: Cục Thống kê chọn

Căn cứ vào diện tích thu hoạch thủy sản nước lợ còn lại theo Biểu 01E/TG-TSCL của Phụ lục 3 (không bao gồm diện tích tôm sú, tôm thẻ chân trắng và loại thủy sản trọng điểm nước lợ đã xác định ở mục 1.4), lập danh sách các xã, thôn có diện tích thu hoạch thủy sản lợ còn lại theo phương thức thâm canh, bán thâm canh từ 1 ha trở lên; các xã, thôn có diện tích thu hoạch thủy sản nước lợ còn lại theo phương thức quảng canh, quảng canh cải tiến từ 2 ha trở lên theo thứ tự danh mục hành chính.

Các bước chọn xã, thôn nước lợ còn lại giống như chọn xã, thôn nước ngọt còn lại.

- Chọn mẫu cấp II: Thôn mẫu (Không áp dụng các tỉnh vùng ĐBSCL)

Chi cục Thống kê chọn thôn mẫu.

Mỗi xã mẫu chọn 2 thôn mẫu theo phương pháp chuyên gia đảm bảo thôn được chọn là thôn có diện tích nuôi các loại thủy sản chủ yếu của xã, có diện tích thu hoạch thủy sản nước lợ còn lại từ 0,5 ha trở lên.

- Chọn hộ mẫu: Chi cục Thống kê phối hợp với Thống kê xã và trưởng thôn chọn hộ mẫu.

Lập danh sách các hộ có nuôi thủy sản nước lợ còn lại cho thu hoạch trong kỳ điều tra của các thôn mẫu theo thứ tự từ đầu thôn đến cuối thôn, lần lượt từ thôn thứ nhất đến thôn thứ 2 của tất cả các xã mẫu. Số hộ mẫu của từng huyện có nuôi trồng thủy sản nước lợ sẽ do Cục Thống kê phân bổ.

•*Đối với các tỉnh không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long:* Số hộ mẫu của mỗi huyện được tính bằng số hộ mẫu bình quân một xã mẫu của toàn tỉnh nhân với số xã mẫu của huyện.

•*Đối với các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long:* Số hộ mẫu của mỗi huyện được tính bằng số hộ mẫu bình quân một thôn mẫu của toàn tỉnh nhân với số thôn mẫu của huyện.

Các bước chọn hộ mẫu tương tự như chọn hộ mẫu cá tra.

II. Chọn mẫu hộ nuôi thủy sản theo hình thức đăng quảng/vèo, nuôi trong ruộng lúa và nuôi hình thức khác

1. Chọn mẫu hộ nuôi nước mặn

Đối với các tỉnh có diện tích nuôi ngao/nghêu, rong biển thì ưu tiên chọn hai loại sản phẩm này để điều tra trọng điểm. Ngoài ra, các tỉnh được chọn thêm tối đa 02 sản phẩm trọng điểm nuôi nước mặn.

a) Quy mô mẫu

Số lượng hộ mẫu đối với từng loại thủy sản được quy định theo bảng sau:

Loại thủy sản nuôi nước mặn	Số hộ mẫu (hộ)	
	Nuôi đăng quảng/vèo	Nuôi khác
Nuôi ngao/nghêu	50	20
Nuôi rong biển	20	20
Nuôi thủy sản trọng điểm 1	30	20
Nuôi thủy sản trọng điểm 2	30	20
Nuôi thủy sản nước mặn còn lại	30	20

b) Phương pháp chọn mẫu

Mẫu điều tra đối với từng loại thủy sản nuôi nước mặn được quy định ở bảng trên được chọn theo hai cấp. Các bước chọn lần lượt như sau:

Bước 1: Lập danh sách toàn bộ các xã có diện tích nuôi trồng thủy sản nước mặn theo loại thủy sản tương ứng căn cứ vào thông tin từ phiếu điều tra số 01A- 6T.N/ĐTTS-XA,THON. Cục Thống kê tiến hành chọn từ 3 đến 5 xã mẫu theo phương pháp chọn chuyên gia, các xã mẫu này đại diện cho các khu vực khác nhau của tỉnh về năng suất nuôi trồng. Trường hợp năng suất nuôi trồng khá tương đồng giữa các vùng sản xuất trong tỉnh, Cục Thống kê chọn những xã mẫu thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai điều tra.

Bước 2: Mỗi xã mẫu tiến hành chọn từ 5 đến 10 hộ có diện tích thu hoạch loại thủy sản trọng điểm trong năm theo hình thức nuôi tương ứng để tiến hành điều tra theo phương pháp chọn chuyên gia, đảm bảo tổng số hộ mẫu theo mỗi loại thủy sản như quy định ở bảng trên.

2. Chọn mẫu hộ nuôi nước lợ, ngọt

a) Quy mô mẫu

Số lượng hộ mẫu đối với mỗi loại thủy sản theo từng loại hình mặt nước ngọt/ lợ được quy định như bảng sau:

(1). Nuôi tôm sú

Nuôi đăng quảng/ vèo (Hộ mẫu)	Nuôi ruộng lúa			Nuôi khác		
	Diện tích thu hoạch (1000 Ha)	Xã mẫu (Xã)	Hộ mẫu (Hộ)	Diện tích thu hoạch (1000 Ha)	Xã mẫu (Xã)	Hộ mẫu (Hộ)
20	Từ 40 trở lên	8-9	80-90	Từ 100 trở lên	12	120
	Từ 20 đến dưới 40	5-6	50-60	Từ 20 đến dưới 100	5-6	50-60
	Dưới 20	2-3	20-30	Dưới 20	2-3	20-30

(2). Nuôi tôm thẻ chân trắng

Nuôi đăng quảng/ vèo (Hộ mẫu)	Nuôi ruộng lúa			Nuôi khác		
	Diện tích thu hoạch (1000 Ha)	Xã mẫu (Xã)	Hộ mẫu (Hộ)	Diện tích thu hoạch (1000 Ha)	Xã mẫu (Xã)	Hộ mẫu (Hộ)
20	Từ 20 trở lên	5-6	50-60	Từ 20 trở lên	5-6	50-60
	Dưới 20	2-3	20-30	Dưới 20	2-3	20-30

(3). Nuôi cá tra và thủy sản khác

Ngoài cá tra, các tỉnh được chọn số lượng loại thủy sản trọng điểm điều tra mẫu nuôi theo hình thức đăng quảng/vèo; nuôi ruộng lúa và nuôi theo hình thức khác theo từng loại hình mặt nước ngọt/lợ như sau:

- Nuôi đăng quảng/vèo: chọn tối đa 2 loại thủy sản trọng điểm;
- Nuôi ruộng lúa: chọn tối đa 2 loại thủy sản trọng điểm;
- Nuôi hình thức khác: chọn tối đa 2 loại thủy sản trọng điểm.

Số lượng hộ mẫu đối với nuôi cá tra, nuôi thủy sản trọng điểm (ngoài tôm sú, tôm thẻ) và thủy sản còn lại được quy định theo từng loại hình mặt nước ngọt/lợ như bảng dưới đây:

	Nuôi đăng quảng/vèo	Nuôi ruộng lúa	Nuôi khác
Nuôi cá tra	20	x	40
Thủy sản trọng điểm 1	20	20	20
Thủy sản trọng điểm 2	20	20	20

	Nuôi đăng quảng/vèo	Nuôi ruộng lúa	Nuôi khác
Thủy sản nước ngọt còn lại	20	20	20
Thủy sản nước lợ còn lại	20	20	20

Lưu ý: Loại thủy sản trọng điểm 1 và 2 ở bảng trên có thể trùng hoặc không trùng với loại thủy sản trọng điểm điều tra mẫu nuôi hình thức Ao; và loại thủy sản trọng điểm 1 và 2 có thể trùng hoặc không trùng giữa các hình thức nuôi: đăng quảng/vèo, nuôi ruộng lúa và nuôi khác.

Đối với từng loại thủy sản trọng điểm hoặc nhóm thủy sản còn lại nuôi nước lợ, nước ngọt thuộc hình thức nuôi đăng quảng/vèo, nuôi trong ruộng lúa và nuôi hình thức khác không quy định số lượng xã mẫu ở trên, chọn từ 2-3 xã mẫu tương ứng từng loại.

b) Phương pháp chọn mẫu

Áp dụng tương tự như chọn mẫu đối với hộ nuôi nước mặn ở trên.

III. Chọn mẫu hộ nuôi thủy sản lồng, bè

1. Chọn mẫu hộ nuôi thủy sản lồng, bè trọng điểm

a) Qui mô mẫu

Các tỉnh ven biển, các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL chọn tối đa 05 loại thủy sản nuôi chính của tỉnh có quy mô lớn hoặc giá trị kinh tế cao (cá diêu hồng, cá rô phi, cá hồng, cá giò; tôm hùm, ốc hương, tu hài...); các tỉnh còn lại chọn tối đa 03 loại thủy sản nuôi chính.

Mẫu hộ nuôi thủy sản trọng điểm lồng, bè được chọn theo 2 cấp:

- Mẫu cấp I (Xã mẫu): Mỗi tỉnh chọn từ 2 đến 4 xã mẫu;
- Mẫu cấp II (Hộ mẫu): Mỗi tỉnh chọn từ 20 đến 40 hộ mẫu.

Số lượng mẫu cấp II cho từng loại nuôi chính được quy định cho các tỉnh theo bảng sau:

Số hộ nuôi mỗi loại của tỉnh	Số hộ mẫu
Từ 300 hộ trở lên	40
Từ 100 đến dưới 300 hộ	30
Dưới 100 hộ	20

b) Phương pháp chọn mẫu

- Chọn xã mẫu: Cục Thống kê chọn xã mẫu bằng phương pháp chuyên gia.
- Chọn hộ mẫu: Chi cục Thống kê có xã mẫu phối hợp với Thống kê xã và trường thôn chọn hộ mẫu.

+ Số hộ mẫu cho mỗi xã mẫu được tính bằng tổng số hộ mẫu của toàn tỉnh chia cho số xã mẫu.

+ Lập danh sách hộ nuôi theo loại thủy sản cho thu hoạch trong kỳ điều tra của các xã mẫu và tiến hành chọn hộ mẫu mỗi loại như các bước chọn hộ mẫu cá tra.

Trường hợp 1 hộ nuôi nhiều loại thủy sản thì có thể nằm ở nhiều danh sách hộ.

2. Chọn mẫu hộ nuôi thủy sản lồng, bè còn lại

Thực hiện chọn mẫu hộ nuôi thủy sản lồng, bè còn lại theo từng loại hình mặt nước: nước mặn, nước lợ, nước ngọt.

a) Qui mô mẫu

Mẫu hộ nuôi thủy sản lồng, bè còn lại được chọn theo 2 cấp:

- Mẫu cấp I (Xã mẫu): Mỗi tỉnh chọn từ 2 đến 4 xã mẫu;
- Mẫu cấp II (Hộ mẫu): Mỗi tỉnh chọn từ 20 đến 40 hộ mẫu.

Số lượng mẫu cấp II cho từng loại hình mặt nước nuôi trồng được quy định cho các tỉnh theo bảng sau:

Số hộ nuôi thủy sản lồng, bè còn lại theo từng loại hình mặt nước	Số hộ điều tra mẫu
Từ 300 hộ trở lên	40
Từ 100 đến dưới 300 hộ	30
Dưới 100 hộ	20

b) Phương pháp chọn mẫu

Áp dụng tương tự như chọn mẫu đối với hộ nuôi lồng, bè trọng điểm ở trên.

B. Khai thác thủy sản

I. Khai thác thủy sản nội địa

Danh sách hộ mẫu khai thác thủy sản nội địa được cố định trong vòng 02-03 năm.

1. Quy mô mẫu

Điều tra khai thác thủy sản nội địa chỉ áp dụng cho các tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, mỗi tỉnh chọn 3 xã mẫu và 120 hộ mẫu.

2. Phương pháp chọn mẫu

- Chọn xã mẫu: Cục Thống kê chọn xã mẫu.

Mỗi tỉnh phân thành 3 vùng khai thác thủy sản nội địa có mức độ khai thác khác nhau đại diện cho những phương thức, nghề khai thác phổ biến trong tỉnh và những vùng khai thác chính (sông, suối, kênh, rạch; vùng khai thác ở những mặt nước lớn (hồ, đầm) và vùng khai thác khác (ruộng, ...). Mỗi vùng chọn 1 xã mẫu.

- Chọn hộ mẫu: Chi cục Thống kê phối hợp với Thống kê xã và các trưởng thôn chọn hộ mẫu.

Lập danh sách các hộ có lao động khai thác thủy sản nội địa của xã, lao động có khai thác thủy sản nội địa là những lao động của hộ tham gia đánh bắt thủy sản (cá, tôm, cua, ốc...), có thời gian đi đánh bắt từ 30 ngày/năm trở lên.

Phương pháp chọn hộ mẫu tương tự như chọn hộ mẫu cá tra.

II. Khai thác thủy sản biển

1. Khai thác thủy sản biển không dùng phương tiện cơ giới

Danh sách hộ mẫu khai thác thủy sản không dùng phương tiện cơ giới được cố định trong vòng 02-03 năm.

a) Quy mô mẫu

Điều tra ở các tỉnh ven biển. Mỗi tỉnh điều tra 10% số hộ nhưng không quá 30 hộ/tỉnh.

b) Phương pháp chọn mẫu

- Chọn xã mẫu: Cục Thống kê chọn 1-3 xã mẫu bằng phương pháp chuyên gia.

- Chọn hộ mẫu: Chi cục Thống kê có xã mẫu phối hợp với Thống kê xã và các trưởng thôn chọn hộ mẫu.

Lập danh sách các hộ có khai thác thủy sản biển không dùng phương tiện cơ giới của xã mẫu.

Phương pháp chọn hộ mẫu tương tự như chọn hộ mẫu cá tra.

2. Khai thác thủy sản biển bằng tàu/thuyền có động cơ

Điều tra khai thác thủy sản biển bằng tàu/thuyền có động cơ được chọn mẫu theo chu kỳ 6 tháng, căn cứ vào kết quả tổng hợp Phiếu số 01B-6T/ĐTTS-XA.

2.1. Điều tra sản lượng khai thác thủy sản biển

a) Quy mô mẫu

Quy mô mẫu điều tra sản lượng từng tháng tùy thuộc vào số lượng tàu/thuyền của mỗi nhóm nghề - công suất, cụ thể như sau:

Số lượng tàu/thuyền trong 1 nhóm nghề - công suất	Số lượng tàu/thuyền mẫu
Từ 700 trở lên	32
Từ 400 đến dưới 700	30
Từ 100 đến dưới 400	25
Từ 50 đến dưới 100	15
Từ 10 đến dưới 50	10
Dưới 10	Điều tra toàn bộ

b) Phương pháp chọn mẫu

Cục Thống kê chọn mẫu chung toàn tỉnh.

Bước 1: Tổng hợp tàu/thuyền khai thác thủy sản biển của tỉnh theo nhóm nghề - công suất từ phiếu 01B-6T/ĐTTS-XA của tất cả các xã có tàu khai thác biển theo Biểu 02/TG-KTB trong Phụ lục 3 (không bao gồm tàu dịch vụ, chuyên thu mua sản phẩm, cung cấp nguyên nhiên liệu, thực phẩm... cho các tàu khai thác thủy sản biển).

Căn cứ để xác định nghề khai thác chính đối với tàu/thuyền làm nhiều nghề như sau:

- Trường hợp tàu/thuyền làm một nghề trong mùa này và lại làm một nghề khác vào mùa khác. Ví dụ: Từ tháng 3 đến tháng 6 một tàu làm nghề câu, từ tháng 7 đến tháng 12 tàu đó lại chuyển sang nghề lưới rê, tàu đó sẽ được tính vào số tàu làm nghề câu trong kỳ điều tra 01/6 và được tính vào số tàu làm nghề lưới rê trong kỳ điều tra 01/12.

- Trường hợp tàu/thuyền sử dụng đồng thời nhiều loại ngư cụ để khai thác: Nghề nào chiếm ưu thế hơn (thời gian lao động hoặc sản lượng khai thác) thì tính vào nghề đó. Hoặc lập ra một nhóm mới gồm những tàu cùng làm các nghề kết hợp giống nhau (ví dụ: Nhóm tàu làm nghề lưới rê tầng mặt + câu).

- Trường hợp tất cả các tàu/thuyền trong cùng một nhóm nghề - công suất chuyển sang nghề khai thác mới. Ví dụ: Nghề câu tay cá được chọn là 1 trong 5 nghề khai thác chính từ tháng 6 đến tháng 11 (dựa vào kết quả điều tra tàu thuyền kỳ điều tra 1.6). Tuy nhiên, từ tháng 7 đến tháng 8 cùng năm, tất cả các tàu thuyền của nghề câu tay cá chuyển sang nghề câu tay mực, quy ước vẫn tính toàn bộ kết quả của nhóm nghề - công suất này cho nghề câu tay cá.

Bước 2. Lập dàn mẫu điều tra theo từng nhóm nghề - công suất:

Tùy theo đặc thù điều kiện tự nhiên và tập quán sản xuất, mỗi tỉnh nên chọn mẫu tập trung vào một số nghề chủ yếu đại diện cho tỉnh.

Tổng cục quy định:

- Mỗi tỉnh/thành phố chọn tối đa 5 nghề chính theo danh mục nghề khai thác qui định trong Biểu 02/TG-KTB (Phụ lục 3), các nghề còn lại xếp chung vào 1 nhóm để chọn mẫu.

- Mỗi tỉnh/thành phố chọn tối đa 6 nhóm công suất theo Biểu 02/TG-KTB (Phụ lục 3).

- Các tàu thuộc nhóm công suất nhỏ hơn 20 CV và nhóm công suất từ 20 CV đến dưới 50 CV không chia theo nhóm nghề.

Lập dàn mẫu khai thác thủy sản biển theo Biểu 03/TG-KTB (Phụ lục 3).

Mỗi ô trong bảng là một nhóm nghề - công suất; số lượng tàu/thuyền của mỗi ô là căn cứ để xác định số lượng mẫu điều tra và là căn cứ lập dàn mẫu cho mỗi nhóm nghề - công suất.

Cục Thống kê lập danh sách các tàu/thuyền cho mỗi nhóm nghề - công suất theo độ lớn công suất giảm dần.

Bước 3. Chọn mẫu điều tra sản lượng

Căn cứ vào danh sách tàu/thuyền đã lập, tiến hành chọn tàu/thuyền điều tra theo khoảng cách chọn như sau:

$$\text{Khoảng cách chọn tàu/thuyền mẫu trong 1 nhóm nghề - công suất (k)} = \frac{\text{Tổng số tàu/thuyền trong cùng nhóm nghề - công suất toàn tỉnh}}{\text{Tổng số tàu/thuyền mẫu theo nhóm nghề - công suất}} \quad (3)$$

Tàu/thuyền đầu tiên được chọn ngẫu nhiên trong khoảng thứ tự từ 1 đến k của danh sách, những tàu/thuyền tiếp theo được chọn hệ thống theo bước nhảy (k) cho đến khi đủ số tàu/thuyền cần chọn tương tự như chọn hộ mẫu cá tra.

2.2. Chọn mẫu điều tra hoạt động tàu (H_{hd}):

a) Quy mô mẫu

Tổng cục quy định số lượng tàu/thuyền mẫu cho từng nhóm nghề - công suất như sau:

Số lượng tàu/thuyền của nhóm nghề - công suất	Số lượng tàu/thuyền mẫu
Từ 2000 trở lên	9
Từ 300 đến dưới 2000	8
Từ 20 đến dưới 300	6
Dưới 20	5

b) Phương pháp chọn mẫu

Phương pháp chọn tàu điều tra mẫu giống như cách chọn tàu điều tra mẫu sản lượng thủy sản khai thác biển.

Mỗi tháng chọn 10 ngày theo ví dụ ở Bảng 1 để phỏng vấn mỗi tàu mẫu đã chọn.

Bảng 1: Ngày điều tra hoạt động tàu/thuyền.

Các tàu trong nhóm nghề - công suất	10 ngày ngẫu nhiên được chọn trong 1 tháng									
	04	05	08	09	10	14	17	24	25	28
Tàu/thuyền thứ 1										
.....										
.....										
Tàu/thuyền thứ 9										

Lưu ý: Đối với điều tra hoạt động tàu/thuyền:

- Ngày điều tra được rải đều trong tháng (ví dụ tại Bảng 1);
- Không điều tra vào những ngày thời tiết không thuận lợi (bão, biển động,...) hoặc do đặc thù của nghề khai thác vào ngày đó tất cả các tàu/thuyền trong nhóm đều không đi biển.

Ví dụ: Tỉnh A có 2100 tàu làm nghề vây ngày có công suất từ 50-90CV. Như vậy số lượng mẫu điều tra sản lượng thủy sản khai thác đối với nghề vây ngày có công suất từ 50-90CV là 32 tàu

Tại những ngày quy định điều tra, Điều tra viên gặp trực tiếp hoặc điện thoại cho chủ tàu/người nhà của chủ tàu biết rõ về thời gian đi biển của tàu để khai thác thông tin ghi vào phiếu điều tra.

Kết quả điều tra tháng 6/2015, trong 90 lần hỏi về hoạt động tàu trong tháng có 71 lần nhận được kết quả là 1, 19 lần nhận được kết quả là 0.

Hệ số hoạt động của đội tàu nghề vây có công suất từ 50-90 CV trong tháng 6/2015 được tính như sau:

$$H_{hd} = \frac{71}{90} = 0,79$$

Kết quả điều tra sản lượng (S) thu được số liệu từ 32 tàu mẫu như sau: Sản lượng khai thác 125341 kg; tổng số ngày-tàu đi biển là 675 ngày. Trong tháng có 7 ngày biển động, tất cả các tàu không thể ra khơi. Tổng số tàu làm nghề vây có công suất từ 50-90 CV của tỉnh A là 2100 tàu.

Kết quả được tính toán như sau:

$$\bar{S} = \frac{125341}{675} = 185,69 \text{ kg/ngày/tàu}$$

Số ngày tàu có thể hoạt động khai thác biển trong tháng 6/2015:

$$N_{hd} = 30 - 7 = 23 \text{ ngày.}$$

Tổng số ngày-tàu hoạt động của nghề vây, nhóm công suất 50-90 CV của tỉnh A là: $23 \times 0,79 \times 2100 = 38157$ ngày-tàu.

Sản lượng khai thác của nghề vây nhóm, công suất 50-90 CV trong tháng 4/2014 là:
 $S = 185,69 \times 38157 = 7\,085\,373$ kg (tương đương 7 085,3 tấn).

C. Quy định về việc thay thế hộ mẫu hoặc bỏ mẫu

1. Quy định về thay thế mẫu hoặc bỏ mẫu

Cục Thống kê được đổi mẫu trong các trường hợp sau:

(1) Hộ mẫu thuộc nhiều danh sách điều tra mẫu của các dàn mẫu nuôi thủy sản không sử dụng lồng bè;

(2) Hộ mẫu đã di chuyển đến địa phương khác;

(3) Khó tiếp cận hộ mẫu để thu thập thông tin

(4) Loại thủy sản mà hộ nuôi hoặc phương thức nuôi, hình thức nuôi của hộ không đồng nhất với dàn mẫu.

Vi dụ 1: Hộ nằm trong dàn mẫu điều tra cá tra nhưng khi đến điều tra hộ đã chuyển sang nuôi cá mè vinh;

Vi dụ 2: Hộ nằm trong dàn mẫu điều tra tôm thẻ chân trắng thâm canh, bán thâm canh nhưng đến khi điều tra hộ đã chuyển sang nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh.

Các trường hợp trên phát sinh trước khi đi điều tra thì thay thế mẫu, phát sinh khi đi điều tra thì bỏ mẫu

Trường hợp tàu mẫu điều tra sản lượng khai thác thủy sản biển đã đổi nghề (nghề thực tế khai thác khác với nghề trong dàn mẫu) thì vẫn điều tra và không đổi mẫu).

2. Nguyên tắc đổi mẫu:

(1) Tổng số hộ mẫu được thay thế hoặc loại bỏ không được vượt quá 20% tổng số hộ mẫu của dàn mẫu tương ứng. Nếu vượt quá 20%, cục Thống kê phối hợp với Tổng cục Thống kê để xem xét, xử lý;

(2) Hộ mẫu được thay thế là hộ liền kề trong bảng kê

3. Quy trình thay thế mẫu:

Sau khi có danh sách hộ mẫu điều tra, Chi cục Thống kê phối hợp với Công chức Thống kê xã rà soát tình trạng hộ. Trường hợp cần thay thế mẫu, Chi cục Thống kê báo cáo cục Thống kê để xem xét, lựa chọn hộ mẫu thay thế.

Nếu tổng số hộ thay thế quá 20% thì cục Thống kê báo cáo Tổng cục Thống kê để xử lý./.